

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2021



CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

damsanjsc.vn

MỤC LỤC

A

PHẦN MỞ ĐẦU

I. Thông điệp của chủ tịch HĐQT	6
II. Một số chỉ tiêu chính	7
III. Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi	8
1. Tầm nhìn	8
2. Sứ mệnh	8
3. Giá trị cốt lõi	8

B

THÔNG TIN CHUNG

I. Quá trình hình thành và phát triển	12
II. Thông tin khái quát	16
III. Các giải thưởng nổi bật của DAMSAN	16
IV. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	17
1. Ngành nghề kinh doanh	17
2. Các sản phẩm, dịch vụ kinh doanh chính	19
3. Địa bàn kinh doanh	19
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	20
5. Vị thế	22
6. Các nhân tố rủi ro	22

C

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	28
1. Thông tin ngành	28
2. Kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch	28
3. Kết quả kinh doanh qua các năm	29
4. Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận	30
5. Ban Tổng Giám đốc	30
6. Nhân sự và chính sách nhân sự	33
II. Tình hình đầu tư và thực hiện dự án	35
1. Các khoản đầu tư lớn trong năm	35
2. Tiến độ thực hiện các Dự án của Công ty	35
3. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	36
III. Cổ đông và thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu	37
1. Cổ phần	37
2. Cơ cấu cổ đông	37
3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	37

D

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

I. Những thách thức và thuận lợi trong năm 2021	40
II. Kết quả sản xuất kinh doanh đạt được trong năm 2021	40
III. Tình hình tài chính	41
IV. Kế hoạch phát triển, giải pháp thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2022	42
1. Điều hành và quản trị Công ty trong năm 2022	42
2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh Công ty mẹ năm 2022	43
V. Kế hoạch đầu tư mới	44
1. Kế hoạch sản xuất	44
2. Đầu tư bất động sản	44
3. Phát triển năng lượng tái tạo	45
VI. Kế hoạch tài chính phục vụ sản xuất kinh doanh - đầu tư phát triển	45
VII. Giải pháp và biện pháp để thực hiện được các mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2022	45

E

BÁO CÁO CỦA HĐQT

I. Đánh giá của HĐQT về mọi mặt hoạt động của Công ty	48
1. Đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô, ngành	48
2. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh	48
3. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc	49
II. Định hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022	49

F

QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. Hội đồng quản trị	52
II. Ban Kiểm soát	56
III. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát	58
1. Thù lao của HĐQT, BKS và Ban Tổng giám đốc	58
2. Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và Người liên quan đến Người nội bộ	59
3. Giao dịch, hợp đồng của Công ty với người có liên quan	60
4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty	60
5. Tăng cường hiệu quả quản trị Công ty	61

G

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

I. Tác động lên môi trường	64
II. Tiêu thụ nước	64
III. Tiêu thụ năng lượng	64
IV. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường	65
V. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương	65
H. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	65

A. PHẦN MỞ ĐẦU

I. Thông điệp của chủ tịch HĐQT

II. Một số chỉ tiêu chính

III. Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi

Thông điệp

CỦA CHỦ TỊCH HĐQT



Ông Vũ Huy Đông - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Damsan

Kính gửi Quý Cổ đông, Khách hàng, Đối tác và toàn thể Cán bộ công nhân viên.

Năm 2021 được xem là một năm đầy khó khăn và thách thức lớn đối với nền kinh tế thế giới nói chung, cũng như nền kinh tế Việt Nam nói riêng bởi sự ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19. Sau khi chứng kiến sự hồi phục ấn tượng trong nửa đầu năm 2021, làn sóng Covid-19 lần thứ tư đã khiến nền kinh tế Việt Nam trong quý 3/2021 ghi nhận mức giảm mạnh nhất lịch sử từ lúc Việt Nam tính và công bố dữ liệu GDP. Tuy vậy, Việt Nam đã nhanh chóng chuyển từ chiến lược Zero Covid sang “Sống chung với Covid”, dần nới lỏng giãn cách và mở cửa nền kinh tế, kịp thời thực hiện Nghị quyết 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 về thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19, đẩy mạnh tiêm vắc xin, ban hành nhiều biện pháp hỗ trợ nền kinh tế. Kết quả là nền kinh tế Việt Nam vẫn duy trì tăng trưởng với tốc độ tăng GDP ước tính đạt 2,58%. Mặc dù mức tăng trưởng GDP trong năm 2021 này là thấp nhất trong giai đoạn 2011-2021 nhưng trước những tác động tiêu cực của dịch Covid-19 thì đó là một thành công của nước ta với tốc độ tăng thuộc nhóm nước cao nhất thế giới.

Mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19, tuy nhiên các doanh nghiệp dệt may đã vượt lên khó khăn, duy trì đà tăng trưởng tốt trong năm 2021, ước đạt 39 tỷ USD, tăng 11,2% so với năm 2020. Con số này còn cao hơn năm 2019 khi chưa có dịch Covid-19 (tăng 0,3% so với năm 2019).

Bất chấp khó khăn của Việt Nam nói chung và ngành dệt may nói riêng, 2021 là một năm thành công của Damsan khi Công ty đã có những thành tựu vượt bậc trong hoạt động kinh doanh khi doanh thu thuần của Công ty đạt 1.513,15 tỷ đồng, tăng 13,01% so với năm 2020; lợi nhuận sau thuế đạt 100,47 tỷ đồng, tương đương với 311,43% lợi nhuận của năm 2020.

Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Damsan, xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý khách hàng, Quý cổ đông đã đóng góp tích cực, ủng hộ và tin tưởng Công ty hơn 16 năm qua. Trong thời gian tới, chúng tôi mong muốn tiếp tục nhận được những đóng góp, hỗ trợ tích cực từ Quý vị. Chúng tôi hoàn toàn tin tưởng rằng, với sự đồng lòng của toàn bộ đội ngũ nhân viên, sự quyết tâm của Ban lãnh đạo và sự tin tưởng của Quý vị, Công ty sẽ vượt qua được những khó khăn hiện tại và ngày càng phát triển mạnh mẽ và bền vững.

Xin chân thành cảm ơn!

Thay mặt Hội đồng quản trị

CHỦ TỊCH H.Đ.QU.T
Vũ Huy Đông

II. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH

	Đơn vị	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Doanh thu	Tỷ đồng	1.503,38	1.839,44	1.705,14	1.339,29	1.513,15
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.502,65	1.839,11	1.705,14	1.339,01	1.513,15
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	1.380,87	1.709,21	1.648,34	1.275,63	1.335,82
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	121,77	129,89	58,5	63,38	177,33
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	Tỷ đồng	71,04	61,51	9,64	28,1	113,61
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	62,86	56,44	8,28	24,44	100,49
Bảng cân đối kế toán						
Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.563,13	1.712,91	1.733,48	1.837,89	1.985,17
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	255,18	255,18	255,18	280,69	380,69
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	430,83	451,98	405,96	422,14	583,90
Nợ phải trả	Tỷ đồng	1.134,30	1.260,93	1.177,67	1.415,75	1.401,27
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu						
Thu nhập trên vốn cổ phần (ROE)	%	18,29	12,79	2,21	5,10	19,98
Thu nhập trên tổng tài sản (ROA)	%	4,44	3,44	0,58	1,18	5,26
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối kỳ	Cổ phiếu	25.517.800	25.517.800	25.517.800	28.069.450	38.069.450
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	2.463	2.212	371	750	2.952

III. TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI



1. Tầm nhìn

Sáng tạo không ngừng, phát triển con người và trở thành doanh nghiệp toàn cầu đứng hàng đầu tiên phong trong ngành sợi/ dệt và phát triển đa ngành với cốt lõi là dệt may và bất động sản.

2. Sứ mệnh

Chúng tôi ứng dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, quản trị hiện đại, đội ngũ chuyên nghiệp và văn hóa doanh nghiệp cầu tiến sáng tạo, thông qua tiết giảm tiêu hao nguồn tài nguyên, năng lượng, bảo vệ môi trường để đóng góp cho xã hội, mang đến cho cộng đồng những sản phẩm dịch vụ hiện đại và thân thiện. Lấy tầng lớp thu nhập trung lưu và thu nhập thấp làm trung tâm.

3. Giá trị cốt lõi

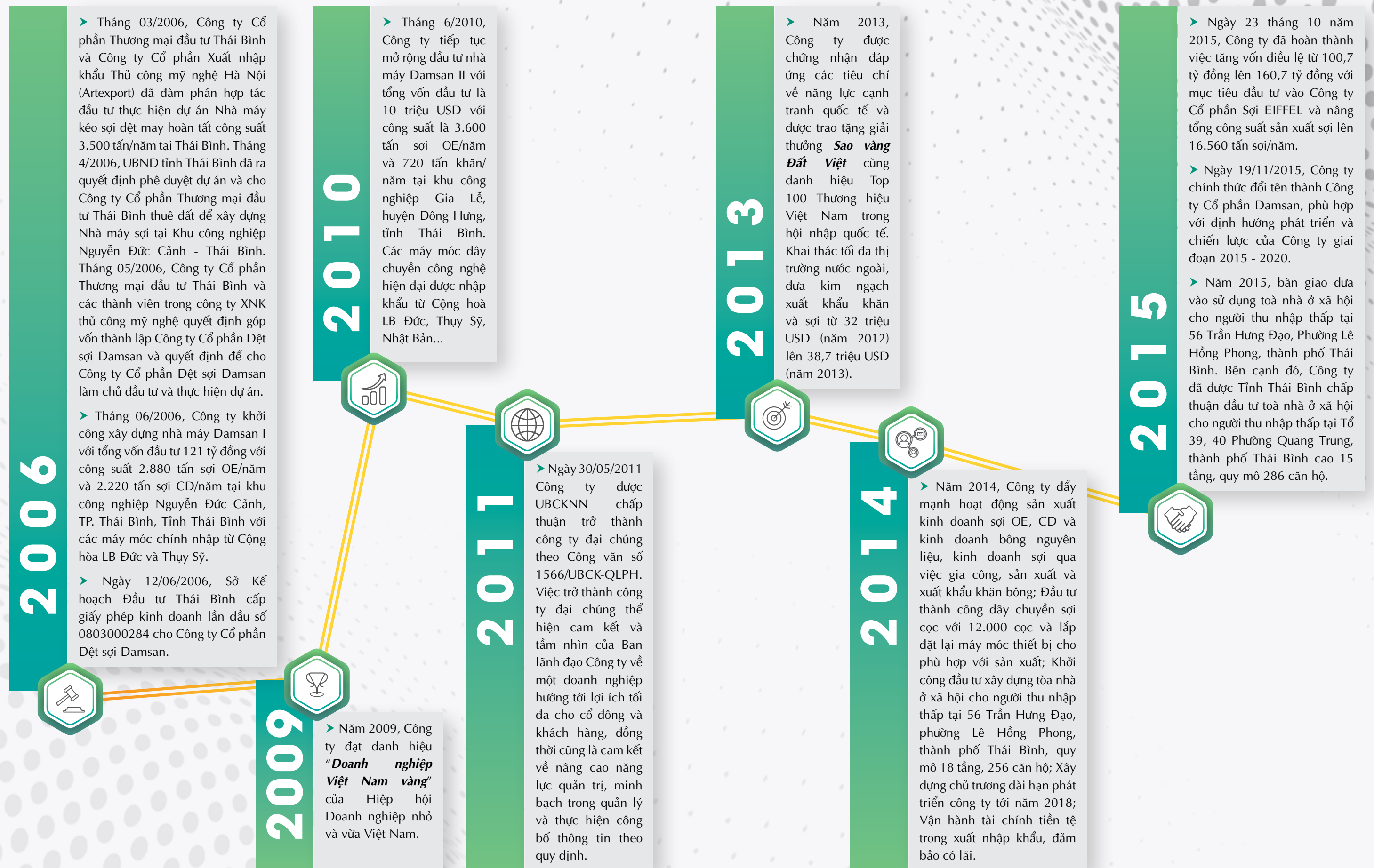
- **Phục Vụ Khách Hàng:** Trân trọng khách hàng, luôn có giải pháp hữu ích, hợp lý để thỏa mãn nhu cầu khách hàng.
- **Đồng Tâm Hiệp Lực:** Mỗi người trong DAMSAN cần chung sức cùng nhau hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.
- **Liên Tục Cầu Tiến:** Không thỏa mãn với hiện trạng, luôn khát vọng cải tiến kết quả công việc, hiệu quả làm việc và chất lượng cuộc sống.
- **Cùng Nhau Phát Triển:** Gắn kết sự phát triển của DAMSAN với mọi người trong xã hội và mỗi cán bộ công nhân viên DAMSAN.



B. THÔNG TIN CHUNG

- I. Quá trình hình thành và phát triển
- II. Thông tin khái quát
- III. Các giải thưởng nổi bật của DAMSAN
- IV. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- V. Địa bàn kinh doanh
- VI. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- VII. Vị thế
- VIII. Các nhân tố rủi ro

I. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



2016

► Ngày 29/06/2016, Công ty thực hiện ngày giao dịch cổ phiếu đầu tiên trên HOSE với mã chứng khoán là ADS. Trong năm 2016, Công ty đầu tư thành công nhà máy sợi EIFFEL gần 300 tỷ với quy mô 40.000 cọc sợi tại Xã Đông Mỹ, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình; hoàn thành 85% dự án toà nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tại Tổ 39, 40 Phường Quang Trung, thành phố Thái Bình cao 15 tầng, quy mô 286 căn hộ. Mặt khác, Công ty đã giải phóng mặt bằng thành công 10,5ha tại Khu đô thị Phú Xuân Damsan gồm 274 lô nhà liền kề và 74 lô biệt thự..



2017



► Ngày 15/12/2017, phát hành chào bán thành công 8,6 triệu cổ phiếu với giá bán trung bình 17.000đ/cổ phiếu, thu về Công ty hơn 146 tỷ đồng. Bên cạnh đó, bàn giao đưa vào sử dụng toà nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tại Tổ 39, 40 Phường Quang Trung, thành phố Thái Bình cao 15 tầng, quy mô 286 căn hộ vào tháng 7/2017. Kim ngạch xuất nhập khẩu của công ty đạt 70.5 triệu USD, tăng 74% so với năm 2016 và vượt kế hoạch đặt ra 1%. Trong đó, giá trị xuất khẩu đạt hơn 42 triệu USD, tăng 78% so với năm 2016 và vượt 6% so với kế hoạch, cho thấy Công ty đã rất nỗ lực đẩy mạnh tìm kiếm bạn hàng xuất khẩu trong năm vừa qua.

2018



► Năm 2018, thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh, bám sát diễn biến thị trường, linh hoạt trong xử lý tình huống, đa dạng thị trường tiêu thụ và phát triển khách hàng, Các dự án bất động sản triển khai thuận lợi. Dự án Khu đô thị Phú Xuân Damsan công tác giải phóng mặt bằng cơ bản xong tới 99%. Các lô đất hiện Công ty đã bán 95%, tiền bán đất cơ bản đã thu theo đúng tiến độ. Toà nhà xã hội cho người thu nhập thấp 16 tầng tại Phường Quang Trung đã đi vào khai thác.

2020



► Năm 2020, Công ty tăng vốn điều lệ lên 280.694.500.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019.

2021



► Tháng 12/2021, Công ty đã hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu với tổng số cổ phiếu chào bán thành công là 10.000.000 cổ phiếu theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 218/GCN-UBCK ngày 04/10/2021, tăng vốn điều lệ của Công ty lên 380.694.500.000 đồng.

II. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên Công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 1000389853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 12/06/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 31/12/2021
Vốn điều lệ	380.694.500.000 đồng
Địa chỉ	Lô A4 - Đường Bùi Viện - KCN.Nguyễn Đức Cảnh - Thành phố Thái Bình
Số điện thoại	(022) 7364.3826
Số fax	(022) 7364.2312
Website	http://damsanjsc.vn
Mã cổ phiếu	ADS
Sàn giao dịch	Hose

Logo



III. CÁC GIẢI THƯỞNG NỔI BẬT CỦA DAMSAN

2009	Công ty đạt được danh hiệu “Doanh nghiệp Việt Nam Vàng”
2013	Giải thưởng Sao vàng Đất Việt & Top 100 Thương hiệu Việt Nam trong hội nhập quốc tế
2014	Tập thể CBCNV CTCP Damsan nhận được bằng khen của Thủ tướng Chính phủ
2017	Top 500 Các doanh nghiệp tư nhân lợi nhuận lớn nhất Việt Nam & Top 50 Công ty Việt Nam thịnh vượng có tốc độ phát triển nhanh nhất
2018	Top 60 thương hiệu, sản phẩm uy tín của ngành xây dựng Việt Nam & Được tặng cờ thi đua của Chính phủ
2021	<ul style="list-style-type: none"> - CTCP Damsan nhận được bằng khen của Chủ tịch Ủy ban Nhân Dân Tỉnh Thái Bình tuyên dương đơn vị có thành tích tiêu biểu trong công tác an sinh xã hội năm 2021, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh - CTCP Damsan nhận được bằng khen của Thủ tướng Chính phủ tuyên dương tập thể có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong công tác phòng chống dịch Covid-19 - Công ty nhận giải thưởng Sao vàng đất Việt

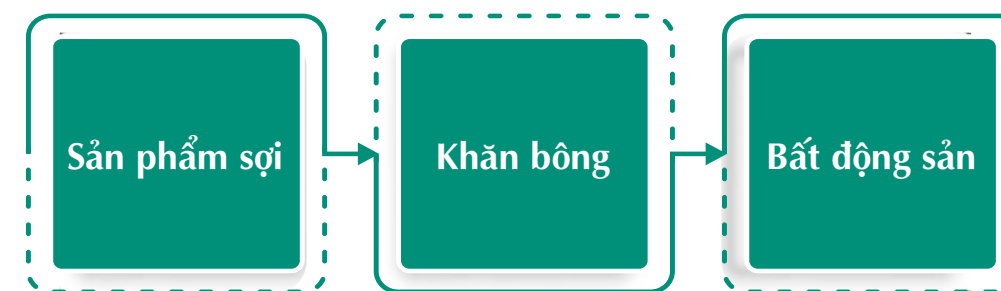
IV. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

1. Ngành nghề kinh doanh

Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh
4212	Xây dựng công trình đường bộ <i>Chi tiết:</i> Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ)
4221	Xây dựng công trình điện <i>Chi tiết:</i> Thi công xây dựng đường dây và trạm biến áp
4222	Xây dựng công trình cấp, thoát nước
4223	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc
4229	Xây dựng công trình công ích khác <i>Chi tiết:</i> Xây dựng công trình thủy lợi; xây dựng các công trình văn hóa xã hội và các loại công trình công ích khác.
4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác <i>Chi tiết:</i> Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp; xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (cấp, thoát nước), công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn.
4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí
4641	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép <i>Chi tiết:</i> Bán buôn vải, hàng may sẵn
7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển
7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan <i>Chi tiết:</i> Thiết kế kiến trúc công trình; thiết kế công trình dân dụng - công nghiệp; thiết kế công trình cấp - thoát nước; thiết kế cơ - điện công trình; thiết kế xây dựng công trình giao thông, công trình nông nghiệp & PTNT; thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật; thẩm tra: Thẩm tra thiết kế + dự toán công trình xây dựng DD&CN; thẩm tra thiết kế + dự toán công trình giao thông (cầu, đường bộ); giám sát thi công xây dựng công trình; giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp; giám sát công trình hạ tầng kỹ thuật; giám sát công trình giao thông (cầu, đường bộ); giám sát công trình NN&PTNT; giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình; khảo sát xây dựng; khảo sát địa hình; tư vấn quản lý dự án công trình giao thông (cầu, đường bộ), lập dự án đầu tư xây dựng; tư vấn quản lý dự án công trình dân dụng, công nghiệp, lập dự án đầu tư xây dựng; tư vấn quản lý dự án công trình hạ tầng kỹ thuật, lập dự án ĐTXD; tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, tư vấn lựa chọn nhà thầu.

Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh
4102	Xây dựng nhà không để ở
1392	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)
1393	Sản xuất thảm, chăn, đệm
4101	Xây dựng nhà để ở
1311 (Chính)	Sản xuất sợi
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết:</i> Bán buôn sợi dệt, bông
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác <i>Chi tiết:</i> Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành dệt may
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
1312	Sản xuất vải dệt thoi
1313	Hoàn thiện sản phẩm dệt
4771	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh <i>Chi tiết:</i> Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh
4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại <i>Chi tiết:</i> Bán buôn sắt, thép; Bán buôn kim loại màu (trừ bán buôn vàng)
2592	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
4752	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh
4330	Hoàn thiện công trình xây dựng
4321	Lắp đặt hệ thống điện

2. Các sản phẩm, dịch vụ kinh doanh chính



3. Địa bàn kinh doanh

Sản phẩm sợi

Tiêu thụ tại thị trường nội địa Việt Nam và xuất khẩu sang Hàn Quốc, Nhật Bản và Trung Quốc

Khăn bông

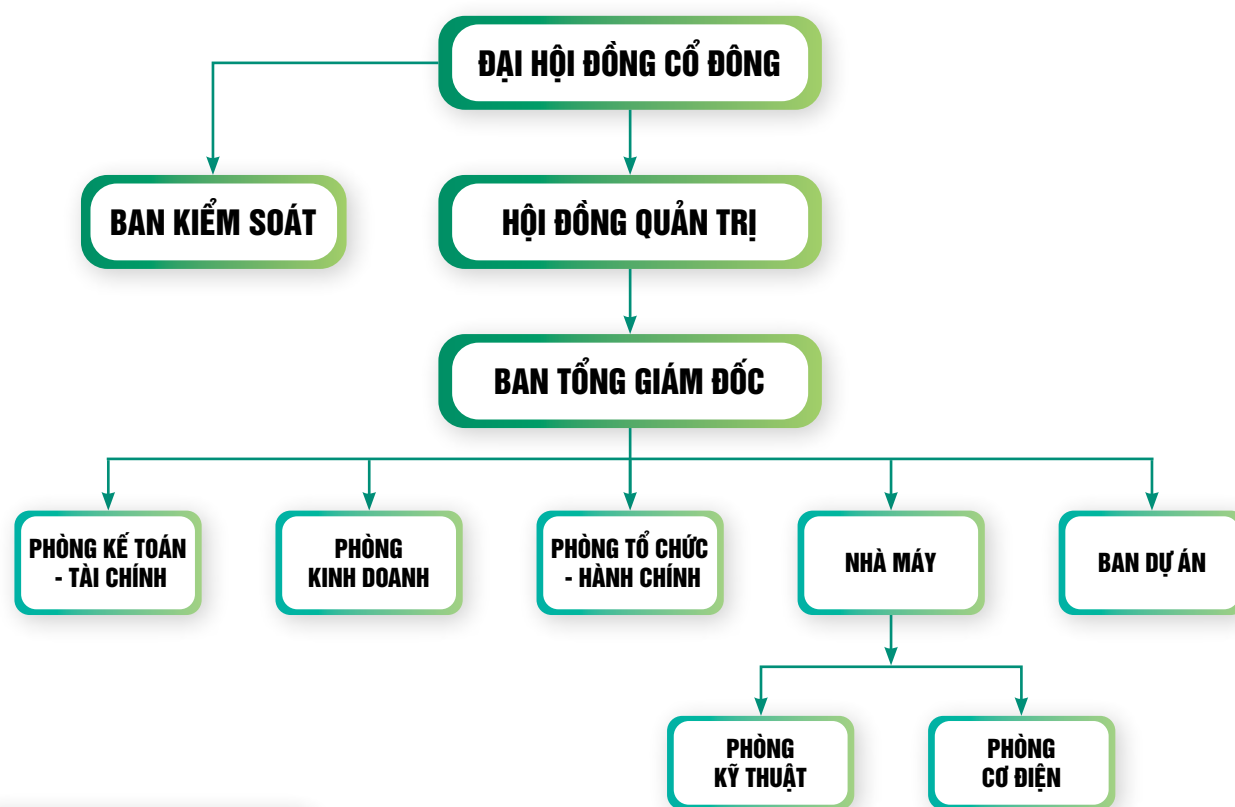
Sản xuất phục vụ mục đích xuất khẩu sang thị trường Nhật bản, Châu Á và Châu Âu

Bất động sản

- ✓ Kinh doanh nhà ở xã hội: dành cho người thu nhập thấp tại Phường Quang Trung, Thành phố Thái Bình; Khu Đô thị Phú Xuân Damsan tại Phường Lý Bôn, Thái Bình.
- ✓ Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp tại xã An Ninh, huyện Tiền Hải.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ - SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Damsan (ĐHĐCĐ) gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định và phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, tăng (giảm) vốn Điều lệ, phân chia lợi nhuận, cổ tức; quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm HĐQT, Ban kiểm soát; và quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ Hội đồng quản trị là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 01 (một) Chủ tịch HĐQT và 04 (bốn) thành viên với nhiệm kỳ 05 (năm) năm. HĐQT nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong Công ty. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Pháp luật và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

BAN KIỂM SOÁT Là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ Công ty bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Tổng giám đốc.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG Tổng Giám đốc được Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có quyền và nhiệm vụ thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất.

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY CON

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Lợi nhuận sau thuế năm 2021
1	Công ty Cổ phần Sợi EIFFEL	Lô 159/14, KCN Gia Lễ, xã Đông Xuân, Huyện Đông Hưng, Thái Bình	Dệt sợi	175	80	76,52 tỷ

CÔNG TY LIÊN KẾT

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Lợi nhuận sau thuế năm 2021
1	Công ty Cổ phần - Viện Dệt May Việt Nam	478 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	Sản xuất sợi	50	30	3,33 tỷ
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình Cầu Ngàn	Lô 36, đường Chu Văn An - Dự án Khu dân cư Đạm San - Quang Trung, tổ 07, phường Quang Trung, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Việt Nam.	Xây dựng cầu, đường bộ	180	45	-

5. Vị thế

Thị trường cung ứng xơ sợi của Việt Nam hiện nay có thể chia làm 3 nhóm chính bao gồm (i) các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Dệt may Việt Nam (ii) các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và (iii) các doanh nghiệp tư nhân trong nước.

Là doanh nghiệp tư nhân, Công ty Cổ phần Damsan đã không ngừng nỗ lực, vượt qua những khó khăn thử thách từ các yếu tố bên ngoài đến nội bộ Công ty để nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, phát triển bền vững và nắm bắt cơ hội từ xu thế dệt may toàn cầu và của Việt Nam. Công ty hiện đang quản lý trực tiếp 02 nhà máy và quản lý gián tiếp 01 nhà máy thông qua công ty con - Công ty Cổ phần Sợi Eiffel với tổng công suất 16.560 tấn sợi/năm và 2.040 tấn khăn/năm.



Hiện nay, Công ty đang chuyển hướng sang lĩnh vực bất động sản, cả bất động sản nhà ở lẫn bất động sản khu công nghiệp. Do bất động sản trước giờ không phải là mảng kinh doanh chính của Công ty nên Công ty đang từng ngày nỗ lực xây dựng phát triển, hoàn thiện mình với quyết tâm cao nhất thông qua việc đầu tư những dự án bất động sản có pháp lý hoàn chỉnh, vị trí đắc địa, đẩy nhanh quá trình thi công các dự án... Từ đó, từng bước xây dựng vị thế Công ty trong lĩnh vực bất động sản tỉnh Thái Bình và trên toàn quốc.

6. Các nhân tố rủi ro

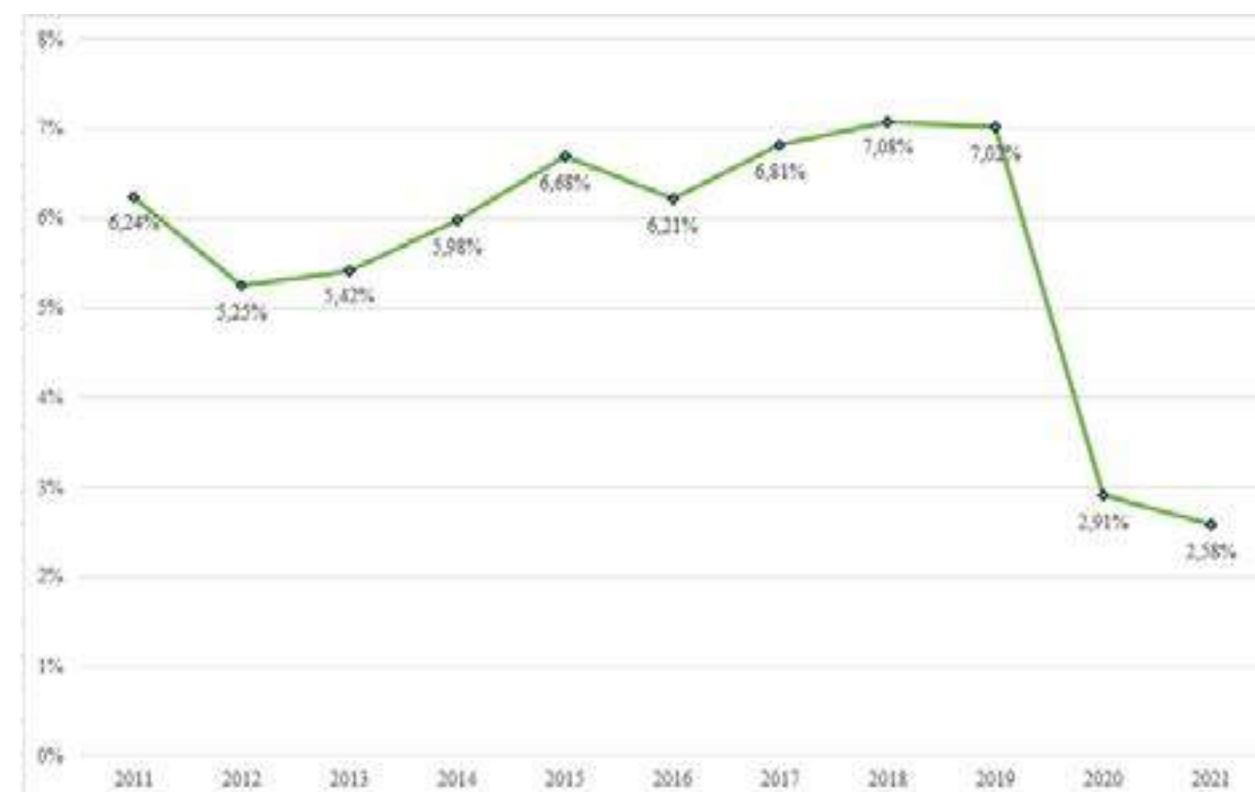
RỦI RO KINH TẾ



Năm 2021, đại dịch tiếp tục hoành hành, gây tác động tới nền kinh tế toàn cầu. Tại hội nghị mùa Thu của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) và Ngân hàng Thế giới (WB) ngày 12/10/2021, IMF công bố báo cáo Triển vọng Kinh tế Thế giới (WEO) cho biết những đứt gãy trong các chuỗi cung ứng và sức ép giá đang kiềm chế đà phục hồi của nền kinh tế thế giới sau đại dịch COVID - 19. Trong báo cáo trên, IMF giảm dự báo tăng trưởng toàn cầu năm 2021 xuống còn 5,9% so với mức 6%

đưa ra trong dự báo hồi tháng 7/2021, và giữ nguyên dự báo cho năm 2022 là 4,9%. Tuyên bố của IMF cho biết dù mức dự báo giảm chung chỉ là 0,1% nhưng đối với một số nước cụ thể, mức dự báo tăng trưởng giảm mạnh hơn. Cụ thể, tác động hiện nay của đại dịch COVID - 19 và thất bại trong việc phân phối vaccine trên thế giới đang ngày càng làm gia tăng sự chênh lệch về kinh tế và gây ra triển vọng không mấy sáng sủa tại các nước đang phát triển.

Đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp từ cuối tháng 4/2021 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động thương mại và dịch vụ. Tăng trưởng âm của một số ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn đã làm giảm mức tăng chung của khu vực dịch vụ và toàn bộ nền kinh tế. Tuy nhiên, tình hình về những tháng cuối năm đã có nhiều khởi sắc khi tỷ lệ bao phủ vaccine tăng nhanh. Báo cáo cập nhật của World Bank tháng 11 khẳng định, kinh tế Việt Nam đã vượt qua đáy suy giảm vào tháng 10 và đi lên. Hơn nữa, dựa trên số liệu của IMF, nền kinh tế Việt Nam năm 2021 được dự báo đứng thứ 41 thế giới xét về giá trị GDP danh nghĩa. Trong khu vực Đông Nam Á, tốc độ tăng trưởng của Việt Nam cũng được dự báo cao hơn Thái Lan, Malaysia, Philippines và Indonesia.



Hình 1. Tỷ lệ tăng trưởng GDP Việt Nam trong giai đoạn 2011 - 2021

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất sợi/sợi và bất động sản nên những biến động của nền kinh tế và sự thay đổi của các chính sách vĩ mô của Chính phủ đều có tác động không nhỏ tới hoạt động của Công ty. Để hạn chế ảnh hưởng từ rủi ro giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế, Công ty đã xây dựng chiến lược phát triển trung và dài hạn dựa trên việc phân tích và xây dựng các kịch bản kinh tế. Do đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế là công cụ quan trọng để Công ty dự báo các chiến lược phát triển cho từng thời kỳ nhất định. Trước bất kỳ thay đổi nào của nền kinh tế thế giới nói chung cũng như Việt Nam nói riêng, Ban Lãnh đạo luôn tiến hành phân tích, nghiên cứu và đưa ra các hành động cụ thể cho từng giai đoạn phát triển của Công ty. Vì vậy, hoạt động sản xuất kinh doanh trong những năm vừa qua luôn bám sát nhu cầu của thị trường và phù hợp với năng lực tài chính của Công ty.



RỦI RO LẠM PHÁT

Với nỗ lực từ phía Chính phủ và Ngân hàng nhà nước, cung tiền được điều tiết hợp lý, mặt bằng giá cả ổn định hơn đã kìm hãm được mức tăng của chỉ số CPI. Điều này được thể hiện khá rõ qua các báo cáo của Tổng cục thống kê về tình hình kinh tế xã hội Việt Nam. Chỉ số lạm phát năm 2021 chỉ dừng lại ở mức ở mức 1,84%. Như vậy, mục tiêu kiểm soát lạm phát, giữ CPI bình quân

của Chính phủ đã được thực hiện tốt. Dự kiến trong thời gian tới, khi rủi ro về lạm phát tiếp tục được kiểm chế ở mức ổn định sẽ tạo ra những ảnh hưởng tích cực tới hoạt động triển khai dự án của Công ty.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, mọi hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản pháp luật bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật điện lực và các văn bản pháp luật và các thông tư hướng dẫn liên quan.

RỦI RO VỀ ĐẶC THÙ NGÀNH

Rủi ro từ nguyên vật liệu

Nguyên liệu chiếm tỷ trọng lớn nhất trong chi phí sản xuất sợi và đặc biệt là bông/ polyester chiếm tỷ trọng lớn nhất trong biến động giá nguyên liệu đầu vào của Công ty. Trước tình hình đại dịch toàn cầu, cũng như bất ổn kinh tế, ngành dệt may Việt Nam phải đối mặt với rủi ro vô cùng lớn về tồn kho ở cả nguyên vật liệu và thành phẩm do đây không phải mặt hàng thiết yếu. Hiện tại, Damsan chủ yếu nhập nguyên liệu từ Ấn Độ, nơi có giá thành bông thấp nhất thế giới. Tuy nhiên, Ấn Độ có số lượng ca mắc Covid đáng ngại. Đợt bùng phát trong tháng 3 và tháng 8 khiến Chính phủ Ấn Độ phải áp dụng biện pháp phong tỏa làm tê liệt hoạt động của nhiều doanh nghiệp trong đó có xuất khẩu bông. Việc Damsan nhập khẩu bông khối lượng lớn từ các doanh nghiệp Ấn làm tăng thêm rủi ro về khủng hoảng nguồn nguyên vật liệu.



RỦI RO TỪ CẠNH TRANH

Trong những năm gần đây, Việt Nam là một trong rất ít quốc gia tại châu Á đã mở rộng hoạt động sản xuất của ngành kéo sợi. Không chỉ có các nhà đầu tư nước ngoài như Texthong Group (Hong Kong), Kyung Bang Việt Nam (Hàn Quốc), Itochu (Nhật Bản) mà cả các doanh nghiệp trong nước như Vinatex, Đại Cường, Phú Bài, Thiên Nam cũng đã tăng vốn đầu tư vào ngành công nghiệp này. Hầu hết các doanh nghiệp xuất khẩu phần lớn lượng sợi sản xuất ra, tình hình cạnh tranh về chất lượng sản phẩm, giá bán diễn ra gay gắt. Không chỉ thế, các hiệp định thương mại tự do sẽ không chỉ tạo ra cơ hội mà cũng thêm nhiều thách thức đối với các doanh nghiệp dệt may vì họ phải đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt từ các doanh nghiệp mới thành lập hoặc mở rộng nhà máy tại Việt Nam để được hưởng lợi ích từ các hiệp định này.

Đối với hoạt động bất động sản, Công ty cũng đối mặt với những rủi ro cạnh tranh nhất định. Cùng với chính sách khuyến khích của Nhà Nước đối với các Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, đầu tư kinh doanh bất động sản, số lượng các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này ngày càng nhiều; thêm vào đó là sự gia tăng áp lực cạnh tranh ngày càng lớn từ các tổ chức nước ngoài có tiềm lực về tài chính mạnh, về quản lý, công nghệ và nhân lực. Hơn nữa, Công ty mới chuyển mình sang hoạt động tại lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản. Bởi vậy, việc phải cạnh tranh trực tiếp với các doanh nghiệp trong ngành là điều tất yếu.

CÁC RỦI RO KHÁC

Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh,...là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng khi xảy ra có thể gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Để giảm thiểu những rủi ro này, Damsan thường xuyên nắm bắt kịp thời các thông tin trên các phương tiện truyền thông, xã hội, cũng như thường xuyên kiểm tra hệ thống phòng chống cháy nổ tại Công ty để giảm thiểu và phòng ngừa những tổn thất lớn có thể xảy ra.



C. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- II. Tình hình đầu tư và thực hiện dự án
- III. Cổ đông và thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Thông tin ngành

Sau gần hai năm gián đoạn, ngành dệt may toàn cầu đã bắt đầu tìm lại được vị thế, được thúc đẩy bởi sự gia tăng mạnh mẽ của thương mại điện tử. Bất chấp những khó khăn liên tục xảy ra, nhu cầu đã quay đầu trong nửa cuối năm 2021. Trong khi đó ở Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may ước tính đạt 39 tỷ USD (+11,2% so với cùng kỳ và +0,3% so với năm 2019), đây là kết quả đáng kể mặc dù có sự gián đoạn kéo dài do chính sách giãn cách xã hội trong Q3/2021. Tăng trưởng bình quân trong 5 năm trước Covid được duy trì ở mức 10%. Ngành dệt may Việt Nam năm nay đã phải đối mặt với nhiều khó khăn, áp lực chi phí nguyên liệu lạm phát, giá cước vận chuyển tăng và tình trạng thiếu lao động sau thời gian giãn cách xã hội. Trong khi Việt Nam giảm tốc, các đối thủ cạnh tranh lại tăng trưởng tốt hơn như Trung Quốc (+12% so với cùng kỳ), Ấn Độ (+52% so với cùng kỳ) và Bangladesh (+13% so với cùng kỳ).

Các công ty sản xuất sợi đạt kết quả nổi bật. Trong khi hầu hết các công ty may mặc đều trải qua chặng đường phục hồi không mấy thuận lợi, những công ty đạt kết quả nổi bật lại là các công ty sản xuất sợi, đặc biệt là các công ty sản xuất sợi bông (sợi polyester thường ít biến động về giá hơn). Giá sợi toàn cầu đã bắt đầu cao hơn năm 2019 kể từ cuối tháng 2 và đạt đỉnh vào Q3/2021 khi giá sợi polyester và bông tăng khoảng 30% -50% so với cùng kỳ, do giá bông và dầu tăng vọt. Điều này là do nhu cầu về sợi tăng nhanh, khi nguồn cung sợi của Trung Quốc dần cạn kiệt. Mặt khác, lệnh cấm của Mỹ đối với bông có xuất xứ từ vùng Tân Cương cũng gây ra sự gián đoạn trong chuỗi cung ứng và đẩy giá bông lên cao hơn. Trong giai 11T2021, kim ngạch xuất khẩu sợi của Việt Nam đạt 5,1 tỷ USD (+38% so với cùng kỳ), trong đó xuất khẩu sang Trung Quốc (chiếm 54% tổng kim ngạch xuất khẩu sợi) tăng 44%.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch

Kết thúc năm 2021, Tổng doanh thu đạt 1.531,15 tỷ đồng, chỉ bằng 90,8% kế hoạch đề ra. Lợi nhuận trước thuế đạt 28,101 tỷ đồng, vượt 38,9% kế hoạch đề ra.

Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2021

Chỉ tiêu	KH năm 2021 (Tỷ đồng)	TH năm 2021 (Tỷ đồng)	TH 2021/KH 2021 (%)
Doanh thu	1.686	1.513	90,8
Lợi nhuận trước thuế	72,0	100	138,9

Nguyên nhân:

Dịch bệnh Covid 19 kéo dài cả năm 2021 làm tê liệt nền kinh tế toàn cầu trong đó có Việt Nam. Ngành may giảm 50% sản lượng xuất khẩu, Ngành sợi khó khăn nối tiếp khó khăn khi xuất khẩu chính vào thị trường Trung Quốc - trung tâm của dịch bệnh Covid 19. Toàn bộ ngành sản xuất cốt lõi của Công ty là sợi bị ảnh hưởng lớn. Xuất khẩu khăn bông của Công ty sang

thị trường Nhật Bản giảm do tác động xấu vì dịch bệnh Covid 19. Tuy nhiên, giá bán thành phẩm sợi cotton bình quân tăng 20% so với năm 2020 nên mặc dù Doanh thu chỉ đạt 90,8% kế hoạch đề ra nhưng Lợi nhuận trước thuế lại đạt 138,9% kế hoạch.

3. Kết quả kinh doanh qua các năm

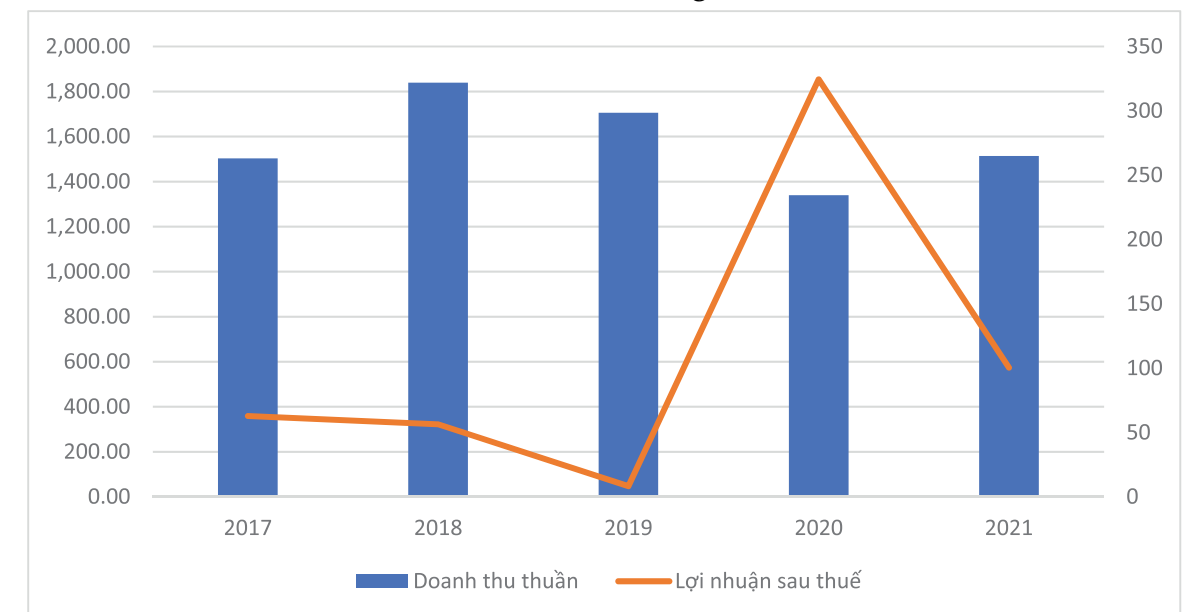
Bảng chỉ tiêu kết quả kinh doanh giai đoạn 2017 - 2021

Chỉ tiêu	Đơn vị	2017	2018	2019	2020	2021	Tăng TB 2017-2021 (%)
Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.563,13	1.712,91	1.733,48	1.837,89	1.985,17	6,20
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	255,18	255,18	255,18	280,69	380,69	11,41
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.502,65	1.839,11	1.705,14	1.339,01	1.513,15	1,66
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	1.380,87	1.709,21	1.648,34	1.275,63	1.335,82	0,58
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	71,04	61,51	9,64	28,1	113,61	99,51
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	62,86	56,44	8,28	24,44	100,47	102,68

Trong năm 2021, tổng tài sản của Công ty là 1.985,17 tỷ đồng tăng 147,28 tỷ đồng so với năm 2020, chủ yếu đến từ tăng trưởng của tài sản ngắn hạn và đặc biệt là các khoản phải thu ngắn hạn. Tổng số vốn điều lệ của Công ty cũng đã tăng 100 tỷ đồng so với năm 2020, đạt 380,69 tỷ đồng.

Doanh thu trong năm 2021 của Công ty đạt 1.513,15 tỷ đồng, tăng hơn 13% so với năm 2020. Tuy nhiên lợi nhuận trước và sau thuế của Công ty đều tăng trưởng mạnh lần lượt là 113,61 tỷ đồng và 100,47 tỷ đồng từ 28,1 tỷ đồng và 24,44 tỷ đồng của năm 2020.

Biểu đồ Doanh thu thuần và LNST giai đoạn 2017 - 2021



4. Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận

TT	Chỉ tiêu	2020		2021		2021/2020	
		DTT (Tỷ đồng)	LNG (Tỷ đồng)	DTT (Tỷ đồng)	LNG (Tỷ đồng)	DTT (%)	LNG (%)
1	Bán thành phẩm	1.250,13	42,28	1442,38	143,88	15,38	240,30
2	Cung cấp dịch vụ	5,82	-1,48	21,72	15,31	273,37	934,46
3	Bất động sản	82,38	22,02	41,9	11,01	-49,14	-50,00
4	Khác	0,95	-	7,14	7,15	652,63	-
	Tổng	1.339,29	62,82	1.513,15	177,35	12,98	182,31

Nhìn chung, cơ cấu doanh thu của Công ty trong năm 2021 không có sự thay đổi đáng kể so với năm 2020. Doanh thu đến từ hoạt động bán thành phẩm tăng 15,38% so với năm 2020, song vẫn đóng vai trò trọng yếu trong cơ cấu doanh thu khi chiếm tỷ trọng hơn 95% tổng doanh thu. Năm 2021, mảng cung cấp dịch vụ tăng gấp đôi doanh thu so với năm 2020. Tuy nhiên, mảng kinh doanh bất động sản giảm 49,14% so với năm 2020. Trong khi đó, cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty có sự chuyển biến rõ ràng giữa 2020 và 2021. Lợi nhuận gộp đến từ việc bán hàng thành phẩm có chiếm 81,13% tổng lợi nhuận gộp năm 2021, tăng đáng kể so với năm 2020 khi lợi nhuận gộp đến từ việc bán hàng thành phẩm chiếm 67,30%. Lợi nhuận gộp từ cung cấp dịch vụ tăng trưởng âm trong năm 2020 nhưng trong năm 2021 đã có mức tăng trưởng vô cùng ấn tượng khi đóng góp hơn 8% tổng lợi nhuận gộp năm 2021. Tuy nhiên, lợi nhuận gộp từ bất động sản giảm từ 22,02 tỷ năm 2020 xuống còn 11,01 tỷ năm 2021.

5. Ban Tổng Giám đốc

Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc:

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Vũ Huy Đức	Tổng Giám đốc	2.039.800	5,35%
2	Bà Vũ Phương Diệp	Phó Tổng Giám đốc	92.000	0,24%
3	Ông Vương Quốc Dương	Phó Tổng Giám đốc	531.331	1,40%
4	Ông Lê Xuân Chiến	Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng	254.444	0,68%

THÔNG TIN THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông Vũ Huy Đức Tổng Giám đốc

Họ và tên:	Vũ Huy Đức
Ngày sinh:	17/10/1979
Quốc tịch:	Việt Nam
CMND/CCCD số:	034079008512 - do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 18/12/2019
Địa chỉ:	Số 08, Trần Bình Trọng, Tổ 3, Phường Trần Hưng Đạo, TP. Thái Bình
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế



Bà Vũ Phương Diệp Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên:	Vũ Phương Diệp
Ngày sinh:	02/09/1986
Quốc tịch:	Việt Nam
CMND/CCCD số:	013529662 - do CA Hà Nội cấp ngày 21/04/2012
Địa chỉ:	Số 28, ngõ 12 đường Phạm Thế Hiển, KĐT II, Trần Hưng Đạo, Thái Bình
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Tài chính



Ông Vương Quốc Dương
Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên:	Vương Quốc Dương
Ngày sinh:	17/05/1985
Quốc tịch:	Việt Nam
CMND/CCCD số:	051085000377 - do Cục cảnh sát ĐKQL CT & DLQG về dân cư cấp ngày 08/10/2018
Địa chỉ:	Số 28, Ngõ 12 đường Phạm Thế Hiển, KĐT II, Trần Hưng Đạo, Thái Bình
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ chuyên ngành Quản trị kinh doanh



Ông Lê Xuân Chiến
Phó Tổng Giám đốc - Kế toán trưởng

Họ và tên:	Lê Xuân Chiến
Ngày sinh:	19/10/1983
Quốc tịch:	Việt Nam
CMND/CCCD số:	151365101- do Công an tỉnh Thái Bình cấp ngày 23/07/2013
Địa chỉ:	Xóm 1 Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, Thái Bình
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế

Những thay đổi trong Ban Tổng Giám đốc:

Ông Vũ Huy Đức - Bổ nhiệm Tổng Giám đốc từ ngày 27/04/2021.

6. Nhân sự và chính sách nhân sự

CƠ CẤU NHÂN SỰ

STT	Tiêu chí	ĐVT	Năm 2021	% Năm 2021
I	Theo trình độ lao động	Người	679	100%
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	Người	88	12,96
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	Người	59	8,69
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	Người	7	1,03
4	Lao động phổ thông	Người	525	77,32
II	Theo đối tượng lao động	Người	679	100%
1	Lao động trực tiếp	Người	573	84,39
2	Lao động gián tiếp	Người	106	15,61
III	Theo giới tính	Người	679	100%
1	Nam	Người	369	54,34
2	Nữ	Người	310	45,66
Tổng cộng		Người	679	100%



Về tuyển dụng:

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút được lao động có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty. Cơ chế tuyển dụng của Công ty luôn đảm bảo cơ hội bình đẳng, khách quan, minh bạch cho tất cả các ứng viên.

Về đào tạo:

Bên cạnh các quy định, quy trình tuyển dụng, Công ty luôn chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực thông qua chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, kiến thức chuyên môn nghiệp vụ. Hằng năm, Công ty đều xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo cho cán bộ công nhân viên thông qua các hình thức đào tạo nội bộ và sử dụng các chương trình đào tạo từ bên ngoài ở trong và ngoài nước.

Chế độ làm việc:

Công ty thực hiện làm việc theo chính sách ca kíp. Công ty chia làm 03 ca/ngày. Công nhân làm việc theo ca với 8 giờ/ngày và 6,5 ngày/tuần. Ngoài ra, khi cần yêu cầu nhân viên làm thêm giờ, Công ty thực hiện các chế độ đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật.

Nhân viên được nghỉ phép nghỉ lễ, Tết, ốm đau thai sản thực hiện theo quy định của Bộ Luật lao động.

Chính sách lương thưởng, phúc lợi:

Công ty xây dựng chính sách lương, thưởng phù hợp với từng vị trí công việc, kỹ năng, trình độ chuyên môn của cán bộ công nhân viên nhằm đánh giá đúng năng lực và kết quả công việc của từng cá nhân trong công ty, đồng thời tạo động lực khuyến khích cán bộ công nhân viên phát huy năng lực, trách nhiệm để nâng cao năng suất, chất lượng hiệu quả công việc. Ngoài các chính sách lương thưởng, phúc lợi theo quy định của pháp luật, cán bộ công nhân viên Công ty còn được hưởng một số quyền lợi ưu đãi khác như ưu tiên mua cổ phiếu, trái phiếu của Công ty. Mức độ ưu đãi tùy thuộc vào mức độ đóng góp của từng cá nhân cho Công ty và do Đại hội đồng cổ đông quy định.

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động về bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp,... theo quy định hiện hành của pháp luật lao động và tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.



II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Các khoản đầu tư lớn trong năm

Trong năm 2021, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ thêm 100 tỷ đồng để góp vốn cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình Cầu Nghìn với mục đích thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ Thái Bình đi Cầu Nghìn. Đây là dự án xây dựng tuyến đường bộ từ TP. Thái Bình đi cầu Nghìn theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (hợp đồng BOT). Dự án thu hút sự tham gia của 4 nhà đầu tư là Tổng công ty Xây dựng số 1, Công ty Cổ phần Damsan, Công ty Cổ phần Tập đoàn Phú Thành và Công ty Cổ phần Lam Sơn Thái Bình. Tổng mức đầu tư của dự án là 2.586,83 tỷ đồng. Dự kiến tuyến đường bộ sẽ hoàn thành vào năm 2023 và thời gian thu tiền dịch vụ sử dụng đường bộ hoàn vốn dự án là 23 năm.

2. Tiến độ thực hiện các Dự án của Công ty

Dự án xây dựng nhà ở thương mại tại Xã Phú Xuân, Thành phố Thái Bình với quy mô 246 căn hộ liền kề và 74 căn biệt thự, có tổng mức đầu tư 800 tỷ đồng. Hiện nay dự án đã hoàn thành xây dựng đạt 67,9% kế hoạch;

Dự án nhà ở thương mại tại Tổ 39-40 Phường Quang Trung với quy mô 39 căn hộ liền kề, Tổng mức đầu tư 132 tỷ đồng đồng đã kí hợp đồng bán 80% căn hộ và Công ty đã xây dựng hạ tầng kỹ thuật xong giai đoạn 1 và xây dựng nhà ở đạt 38,8% kế hoạch;

Dự án nhà ở thương mại tại Hợp tác xã Hữu nghị Phường Bồ xuyên - TP Thái Bình quy mô 48 căn hộ liền kề, Tổng mức đầu tư 152 tỷ đồng đồng và đang được Công ty triển khai hoàn thiện xây thô và đã bán được 605 căn hộ;

Trong năm 2019, theo xu hướng chuyển dịch sản xuất từ các doanh nghiệp nước ngoài về Việt Nam, Công ty đã nắm bắt cơ hội và thực hiện triển khai dự án “Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp tại xã An Ninh, huyện Tiên Hải”. Cụm công nghiệp An Ninh (Do Công ty Cổ phần Sợi Eiffel quản lý) có tổng mức đầu tư là 319 tỷ đồng; Dự án đã thi công được 95% giai đoạn 1 và 85% giai đoạn 2 Hạ tầng kỹ thuật của Cụm Công nghiệp An Ninh.

3. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	2020	2021
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,15	1,24
- Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,79	0,80
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ/tổng tài sản	%	77,03	70,59
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	%	335,37	239,98
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho	vòng	3,82	2,56
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	vòng	0,75	0,79
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	1,83	6,64
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH (ROE)	%	5,92	19,98
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS (ROA)	%	1,37	5,26
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	%	1,03	7,24

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Trong năm 2021, các chỉ số về thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh của Công ty không có nhiều thay đổi. Chỉ số thanh toán ngắn hạn năm 2021 là 1,24 và của 2020 là 1,15. Chỉ số thanh toán nhanh năm 2021 là 0,80 và của 2020 là 0,79. Nhìn chung, Công ty vẫn đáp ứng được nhu cầu thanh toán các khoản nợ ngắn hạn trong năm.

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Cơ cấu vốn nợ/tổng tài sản và nợ/tổng vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm qua không có sự thay đổi lớn. Trong đó, Công ty sử dụng nợ là nguồn vốn chủ yếu cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đặc biệt là nợ ngắn hạn. Hệ số nợ/tổng tài sản năm 2021 là 0,70 lần so với năm 2020 là 0,77 lần, cho thấy Công ty tận dụng khá tốt đòn bẩy tài chính để đầu tư cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Trong năm 2021, dù bị ảnh hưởng xấu bởi tình hình dịch bệnh khiến doanh thu thuần của Công ty giảm tuy nhiên các chỉ tiêu về tỷ suất lợi nhuận của Công ty lại có sự cải thiện đáng kể chứng tỏ năng lực quản lý của Ban Tổng giám đốc. Cụ thể là, các chỉ số như lợi nhuận sau thuế/ doanh thu thuần, lợi nhuận kinh doanh/ doanh thu thuần, ROA, ROE đều tăng từ 3-5 lần so với năm 2020.

CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Vòng quay hàng tồn kho năm 2021 là 2,56 vòng, giảm 1,26 vòng so với năm 2020. Nguyên nhân đến từ việc hàng tồn kho tăng 93 tỷ đồng. Việc giảm vòng quay hàng tồn kho cho thấy dịch covid làm giảm số lượng hàng bán ra và cũng như hàng tồn kho bị tồn đọng nhiều.

III. CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

1. Cổ phần

- ✓ Mã cổ phiếu: ADS
- ✓ Vốn điều lệ: 380.694.500.000 đồng
- ✓ Số cổ phần phổ thông: 38.069.450 cổ phần
- ✓ Số cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần
- ✓ Số cổ phần đang lưu hành: 38.069.450 cổ phần
- ✓ Số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- ✓ Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

2. Cơ cấu cổ đông

Bảng cơ cấu cổ đông (31/12/2021)

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (mệnh giá)	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ đông
1	Cổ đông lớn	11.117.554	111.175.540.000	29,20	3
2	Cổ đông nhỏ	26.951.896	269.518.960.000	70,80	2.930
	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
	Tổng	38.069.450	380.694.500.000	100,00	2.933
1	Cổ đông trong nước	37.479.023	374.790.230.000	98,3	2.912
1.1	Cổ đông tổ chức	1.325.603	13.256.030.000	3,33	23
1.2	Cổ đông cá nhân	36.153.420	361.534.200.000	94,97	2.889
2	Cổ đông nước ngoài	590.427	5.904.270.000	1,57	21
	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
	Tổng	38.069.450	380.694.500.000	100,00	2.933

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN (31/12/2021)

Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
Ông Vũ Huy Đông	034055003633	Số nhà 1, đường Lê Trọng Thứ, Tổ 4, Phường Trần Hưng Đạo, TP Thái Bình	6.961.275	18,28%
Ông Vũ Huy Đức	034079008512	Số nhà 06, Trần Bình Trọng, tổ 3 phường Trần Hưng Đạo, TP Thái Bình	2.039.800	5,35%
Ông Đỗ Đức Khang	033079001978	51/F Làng Yên Phụ - P Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Hà Nội	2.312.421	6,07%
Cộng			11.117.554	29,70%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 50%.

3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Kể từ ngày thành lập, Công ty đã trải qua những lần tăng vốn như được trình bày dưới đây:

Năm	Vốn điều lệ (VNĐ)	Nội dung tăng vốn
2006	12.000.000.000	Vốn điều lệ đăng ký thành lập
2007	32.329.000.000	Cổ đông hiện hữu
2010	60.000.000.000	Cổ đông hiện hữu
2012	80.700.000.000	Phát hành riêng lẻ
2013	100.700.000.000	Phát hành riêng lẻ
2015	160.700.000.000	Phát hành riêng lẻ
2016	168.734.810.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức 2015
2017	255.178.010.000	Cổ đông hiện hữu, phát hành riêng lẻ
2020	280.694.500.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức 2019
2021	380.694.500.000	Phát hành cổ phiếu ra công chúng

D. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- I. Những thách thức và thuận lợi trong năm 2021
- II. Kết quả sản xuất kinh doanh đạt được trong năm 2021
- III. Tình hình tài chính
- IV. Kế hoạch phát triển, giải pháp thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2022
- V. Kế hoạch đầu tư mới
- VI. Kế hoạch tài chính phục vụ sản xuất kinh doanh - đầu tư phát triển
- VII. Giải pháp và biện pháp để thực hiện được các mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2022

I. NHỮNG THÁCH THỨC VÀ THUẬN LỢI TRONG NĂM 2021

THÁCH THỨC

Dịch bệnh Covid 19 kéo dài cả năm 2021 làm tê liệt nền kinh tế toàn cầu trong đó có Việt Nam. Ngành may giảm 50% sản lượng xuất khẩu, Ngành sợi khó khăn nối tiếp khó khăn khi xuất khẩu chính vào thị trường Trung Quốc - trung tâm của dịch bệnh Covid 19. Toàn bộ ngành sản xuất cốt lõi của Công ty là sợi bị ảnh hưởng lớn. Xuất khẩu khăn bông của công ty sang thị trường Nhật Bản giảm do tác động xấu vì dịch bệnh covid 19.

THUẬN LỢI

Các dự án bất động sản của Công ty triển khai thuận lợi. Dự án Khu đô thị Phú Xuân DamSan tính đến đầu năm 2020 cơ bản hoàn thành. Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty đã bán 99% lô đất, tiền bán đất cơ bản đã thu theo đúng tiến độ. Tòa nhà xã hội cho người thu nhập thấp 16 tầng tại Phường Quang Trung - Thành phố Thái Bình đã đi vào khai thác, trong đó đã có 64 căn hộ tái định cư và 130 căn hộ bán cho người thu nhập thấp. Chất lượng công trình tốt, kiến trúc cảnh quan đẹp tạo điểm nhấn cho cửa ngõ Thành phố Thái Bình.

Công ty cũng được hưởng những thuận lợi từ cơ chế chính sách: Các cơ chế chính sách hỗ trợ đối với doanh nghiệp kinh doanh XNK vẫn được nhà nước tiếp tục duy trì. Đồng thời, chính sách quản lý bông tồn kho tại Trung Quốc dẫn tới giá bông đầu vào tại Trung Quốc cao hơn giá bông thế giới, Trung quốc cần nhập số lượng sợi cotton lớn phục vụ cho nhu cầu sản xuất vải trong nước. Sợi cotton Việt Nam sang thị trường Trung Quốc được hưởng ưu đãi thuế quan 0% theo FTA Asean Trung Quốc. Năng lực cạnh tranh của sợi Việt Nam tại thị trường Trung Quốc được cải thiện và khai thác thêm thị trường khăn bông chất lượng cao tại Nhật Bản, Úc.

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2021

Với tình hình sản xuất kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn do những tác động trực tiếp từ Dịch bệnh Covid 19, nguyên liệu, thị trường tiêu thụ, nội tại sản xuất của công ty...vv, Ban điều hành đã phát huy tinh thần đoàn kết, tập trung sự chỉ đạo tích cực triển khai các nghị quyết của Hội đồng quản trị, thực hiện kiện toàn bộ máy tổ chức và tìm hướng tháo gỡ những khó khăn trong năm 2021.

Sản xuất sợi và xuất khẩu sợi:

- ✓ Sản lượng sợi CD: 12.200 tấn
- ✓ Sản lượng sợi xe: 2.300 tấn
- ✓ Sản xuất kinh doanh khăn đạt: 1.270 tấn
- ✓ Kinh doanh bông đạt: 10.260 tấn
- ✓ Tổng doanh số: 1.675 tỷ

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2021

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng (giảm) năm 2021/2020
1	Tổng tài sản	1.837,89	1.985,17	8,01%
2	Vốn chủ sở hữu	422,14	583,9	38,32%
3	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.339,29	1.513,15	13,01%
	Doanh thu từ KD sợi, khăn	1250,13	1.442,38	14,76%
	Doanh thu từ BĐS	82,38	41,90	-48,98%
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	5,82	21,72	213,19%
	Doanh thu khác	0,96	7,15	651,59%
4	Lợi nhuận trước thuế	28,1	113,61	304,31%
5	Lợi nhuận sau thuế	24,42	100,47	311,43%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2021)

- ✓ Về quy mô tổng tài sản của Công ty, năm 2021 giá trị tổng tài sản của Công ty đạt mức 1.985,17 tỷ đồng, tăng 147,28 tỷ đồng, tương đương tăng 8,01% so với năm 2020.
- ✓ Doanh thu của Công ty đạt hơn 1.513 tỷ đồng, tăng 174 tỷ đồng so với năm trước, tương đương 13,01%, trong đó nguyên nhân chủ yếu là do giá bông, sợi tăng hơn 20% so với năm 2020.
- ✓ Doanh thu từ mảng Bất động sản trong năm đạt 41,9 tỷ đồng do ghi nhận doanh thu từ các dự án.
- ✓ Lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 100,47 tỷ đồng, tăng trưởng hơn 311% so với năm 2020.

III. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

VỀ TÌNH HÌNH TÀI SẢN

	2020	2021	% năm 2021
Tài sản ngắn hạn	1.519.089.292.994	1.605.935.761.362	80,90%
Tài sản dài hạn	318.801.829.906	379.232.838.690	19,10%
Tổng cộng tài sản	1.837.891.122.900	1.985.168.600.052	100,00%

Năm 2021, tổng tài sản đạt 1.985 tỷ đồng, tăng 8,01% so với năm 2020 chủ yếu do ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền và hàng tồn kho. Cơ cấu tài sản chủ yếu là tài sản ngắn hạn chiếm 80,90% (chủ yếu gồm hàng tồn kho, các khoản phải thu và tiền), tài sản dài hạn chiếm 19,10% (chủ yếu là tài sản cố định và các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

VỀ TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

	2020	2021	%năm 2021
Nợ ngắn hạn	1.317.852.535.134	1.299.461.694.986	92,73%
Nợ dài hạn	97.894.923.678	101.804.582.410	7,27%
Tổng cộng nợ phải trả	1.415.747.458.812	1.401.266.277.396	100,00%

Thực hiện định hướng tái cấu trúc tài chính, giảm nợ vay, tổng nợ phải trả của CTCP Damsan đã giảm 14,4 tỷ đồng, tương đương giảm 1,02% so với cùng kỳ, ghi nhận giá trị 1.401 tỷ đồng. Cơ cấu nợ chủ yếu là nợ ngắn hạn với giá trị 1.299 tỷ đồng, chiếm 92,73% tổng nợ. Trong đó, vay ngân hàng, các khoản phải trả ngắn hạn chiếm tỷ lệ chủ đạo lần lượt là 48,25% và 39,15% trong cơ cấu nợ ngắn hạn. Đối với khoản mục nợ dài hạn, cơ cấu chủ yếu là giá trị dư nợ vay ngân hàng.

Công ty không có nợ phải trả quá hạn.

IV. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2022

1. Điều hành và quản trị Công ty trong năm 2022

Dịch bệnh covid 19 bùng phát tiếp tục bùng phát năm và lan ra toàn thế giới làm cho tất cả các nước không phân biệt giàu nghèo, phát triển hay không phát triển đều bị khủng hoảng, tê liệt và thiệt hại nặng nề trong đó có Việt Nam nói chung và Công ty Damsan nói riêng. Để thích ứng với tình trạng khó khăn chung này, HĐQT và Ban lãnh đạo Công ty đã có chủ trương điều hành và quản trị Công ty như sau:

SẢN XUẤT SỢI

- ✓ Tập trung khai thác tối đa công suất tại nhà máy Damsan 1 và nhà máy Sợi EIFFEL đạt sản lượng 12.500 tấn năm.
- ✓ Tập trung khai thác gia công sản xuất sợi xe: 3.000 tấn/ năm
- ✓ Đẩy mạnh đầu tư xây dựng nhà máy sợi An Ninh đưa vào vận hành trong Quý IV/2022 đạt sản lượng 2.000 tấn trong năm 2022.

SẢN XUẤT KHĂN

- ✓ Đẩy mạnh việc sản xuất khăn trong năm 2022 hướng tới thị trường Nhật bản mảng hàng hóa tiêu thụ tại các siêu thị, sản lượng khăn năm 2022 đạt 1.500 tấn/năm.
- ✓ Bổ sung tìm hiểu thị trường tại Hàn quốc và Châu Âu với sản phẩm khăn tắm cao cấp, đồng thời nghiên cứu phát triển sản phẩm dệt may hoàn tất.

BẤT ĐỘNG SẢN

Tập trung tiếp tục triển khai các dự án bất động sản, đảm bảo tiến độ đề ra, cụ thể:

- ✓ Dự án xây dựng nhà ở thương mại tại Xã Phú Xuân, Thành phố Thái Bình: hoàn thành 300/324 lô, bàn giao cho khách đúng tiến độ;
- ✓ Dự án nhà ở thương mại tại Tổ 39-40 Phường Quang Trung: hoàn thành giải phóng mặt bằng giai đoạn 2;
- ✓ Dự án nhà ở thương mại tại Hợp tác xã Hữu nghị Phường Bồ xuyên - TP Thái Bình: hoàn thiện xây thô và bàn giao 60% căn hộ.
- ✓ Cụm công nghiệp An Ninh (do Công ty cổ phần Sợi Eiffel quản lý): hoàn thành 100% xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong Quý I năm 2022, hoàn thành nhà máy kéo sợi nổi cọc và nhà máy sản xuất pin năng lượng mặt trời trong Quý III năm 2022;
- ✓ Dự án đường BOT từ Thành phố Thái Bình đi Cầu Ngàn (do Công ty Cổ phần đầu tư Thái Bình Cầu Ngàn làm chủ đầu tư): hoàn thành 45% khối lượng công việc, tương đương 800 tỷ đồng.



2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh Công ty mẹ năm 2022

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	% tăng (giảm) so với năm 2020
1	Doanh thu thuần	1.513,15	2.223,31	46,93%
2	Lợi nhuận trước thuế	113,61	120,95	6,46%
3	Tỷ lệ cổ tức (dự kiến)	10%	15%	5%
4	Thu nhập bình quân	7.000.000 đồng/người/tháng	7.500.000 đồng/người/tháng	7,14%

V. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ MỚI

1. Kế hoạch sản xuất

- ✓ Tập trung khai thác đầu tư hoàn thiện các nhà máy sợi (nâng công suất từ 12.000 tấn/năm lên 20.000 tấn/năm).
- ✓ Khai thác và triển khai sản xuất các sản phẩm dệt may hoàn tất: khăn và chăn ga, nâng công suất của khăn lên 3.000 tấn/năm; phát triển xây dựng sản phẩm chăn ga giai đoạn 2023-2025 vào thị trường nhật bản và Châu Âu
- ✓ Việc thực hiện triển khai sản xuất thông qua các công ty thành viên: Công ty Cổ phần Sợi EIFFEL, Công ty Cổ phần Đầu tư An Ninh Thái Bình, Viện Dệt may... theo định hướng các công ty này là công ty thành viên hoặc công ty con của Công ty Cổ phần Damsan.
- ✓ Mục tiêu từ 2023 năng lực sản xuất và xuất khẩu đạt 100 triệu USD/năm tăng trưởng 20-30% giai đoạn 2023-2025.

2. Đầu tư bất động sản

- ✓ Với lĩnh vực bất động sản đô thị hoàn thiện các dự án hiện có, xây dựng thương hiệu Công ty Cổ phần Damsan là doanh nghiệp bất động sản số 1 tại tỉnh Thái Bình, đồng thời triển khai phát triển 1 số khu dân cư tại tỉnh Thái Bình và các tỉnh lân cận.
- ✓ Với lĩnh vực kinh doanh nhà ở xã hội: đẩy mạnh triển khai xây dựng nhà ở xã hội tại tỉnh Thái Bình. Dự kiến 2022-2024 hoàn thiện 02 tòa nhà tại Khu dân cư Phú Xuân đồng thời mở rộng triển khai nhà ở xã hội tại các tỉnh lân cận là Nam Định và Hưng Yên.
- ✓ Với bất động sản công nghiệp: phát triển quỹ đất công nghiệp từ 50ha lên 200ha trong giai đoạn 2022-2023 và nâng lên 600ha giai đoạn 2025. Phấn đấu Công ty là nhà cung cấp bất động sản công nghiệp lớn tại tỉnh Thái Bình.

- ✓ Bất động sản giao thông: xây dựng thương hiệu của Công ty Damsan thông qua dự án đường Thái Bình - Cầu Ngàn. Đồng thời nghiên cứu tham gia xây dựng, phát triển một số công trình giao thông trọng điểm của tỉnh Thái Bình.

3. Phát triển năng lượng tái tạo

- ✓ Đầu tư nghiên cứu mở rộng lĩnh vực năng lượng tái tạo thông qua Công ty Cổ phần Tập đoàn năng lượng xanh AD tại Cụm công nghiệp An Ninh với định hướng là sản phẩm chủ lực trong giai đoạn 2023-2025 của Công ty, xuất khẩu vào thị trường Mỹ và Châu Âu với doanh số đạt từ 150-180 triệu USD/năm với sản phẩm chủ yếu và tấm pin năng lượng và các sản phẩm hoàn tất năng lượng mặt trời
- ✓ Nghiên cứu sản phẩm thuộc lĩnh vực điện tử ưu tiên sử dụng năng lượng sạch.

VI. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH PHỤC VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH - ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

Tổng tài sản Công ty tuy lớn nhưng vốn điều lệ Công ty còn rất khiêm tốn, Công ty vừa đầu tư sản xuất kinh doanh ngành dệt may vừa đầu tư mở rộng, trong đó bất động sản cần vốn rất lớn. Hiện mức vay ngân hàng của Công ty khá cao, gấp 2 lần vốn hiện có.

Bên cạnh đó, Công ty đang triển khai đợt phát hành 100 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi để bổ sung vốn kinh doanh cho Công ty.

VII. GIẢI PHÁP VÀ BIỆN PHÁP ĐỂ THỰC HIỆN ĐƯỢC CÁC MỤC TIÊU KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2022

Nhằm tối đa hóa lợi nhuận năm 2022, Ban Điều hành Công ty đã có kế hoạch và các biện pháp giải pháp thực hiện các mục tiêu đề ra ngay từ đầu năm, cụ thể:

- ✓ Tổ chức triển khai sản xuất kinh doanh theo hướng khai thác công suất cao nhất của các nhà máy sợi, máy dệt, xưởng khăn, đảm bảo chất lượng tốt nhất và chi phí giảm tối đa, nhằm duy trì sản lượng ổn định và thực hiện bảo dưỡng máy móc thiết bị ở mức an toàn.
- ✓ Theo dõi thị trường để có những điều chỉnh về giá cả, kế hoạch vật tư phù hợp, đảm bảo hiệu quả kinh doanh cao nhất.
- ✓ Bám sát các cơ quan nhà nước để hoàn thiện thủ tục hồ sơ các dự án, kịp thời giải đáp và cung cấp các hồ sơ liên quan để các cơ quan chức năng phê duyệt hồ sơ để triển khai theo kế hoạch.



E. BÁO CÁO CỦA HĐQT

I. Đánh giá của HĐQT về mọi mặt hoạt động của Công ty

II. Định hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022

I. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ MỌI MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô, ngành

Kinh tế - xã hội năm 2021 của nước ta diễn ra trong bối cảnh dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona (Covid-19) bùng phát và diễn biến phức tạp hơn trên Thế giới nói chung và tại Việt Nam nói riêng đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt kinh tế - xã hội của các quốc gia trên thế giới. Các nền kinh tế lớn đối mặt với tình trạng suy thoái sâu, tồi tệ nhất trong nhiều thập kỷ qua. Tuy nhiên, trong những tháng cuối năm, khi phần lớn các nền kinh tế tái khởi động sau phong tỏa do dịch Covid-19, dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới có những dấu hiệu khả quan hơn. Thương mại toàn cầu, giá cả hàng hóa đang dần được phục hồi, thị trường chứng khoán toàn cầu tăng mạnh nửa cuối năm 2021 nhờ tín hiệu tích cực từ sản xuất và hiệu quả của vắc-xin phòng Covid-19. Những nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Cộng đồng chung châu Âu tuy vẫn đối mặt với nhiều khó khăn nhưng đã có xu hướng phục hồi trong nửa cuối năm 2021 và dự báo tăng trưởng khả quan hơn trong năm 2022. Trong nước, đợt giãn cách xã hội do làn sóng Covid-19 lần thứ 4 đã gây ra những tác động sâu, rộng, và toàn diện đến hầu hết các lĩnh vực của nền kinh tế Việt Nam. Chính phủ đã có nhiều giải pháp để hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn để duy trì và ổn định sản xuất kinh doanh. Nhưng khó khăn đối với các doanh nghiệp còn nhiều, đặc biệt về vốn hoạt động kinh doanh, chi phí sản xuất ngày càng tăng do tình hình đứt gãy thương mại quốc tế gây ra những hệ lụy tới hoạt động sản xuất và xuất, nhập khẩu của Việt Nam. Tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm ở mức cao. Bên cạnh đó, hạn hán, xâm nhập mặn, mưa, lũ ảnh hưởng đến năng suất, sản lượng cây trồng và đời sống nhân dân.

Dù chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19, đặc biệt trong quý III, nhưng xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam đã vượt lên khó khăn duy trì đà tăng trưởng tốt. Năm 2021, ngành dệt may xuất khẩu ước đạt 39 tỷ USD, tăng 11,2% so với năm 2020 và tăng 0,3% so với năm 2019. Đây là nỗ lực của toàn ngành trong bối cảnh tốc độ phục hồi của kinh tế thế giới có xu hướng chậm lại. Báo cáo của Quỹ Tiền tệ thế giới (IMF) vào tháng 10/2021 đã chỉ ra rằng, tổng sản phẩm xuất khẩu hàng hóa của thế giới năm 2021 ước tính đạt 17,35 nghìn tỷ USD, giảm 1,3% so với mức 17,58 nghìn tỷ USD năm 2020 và giảm 8,75 % so với năm 2019.

2. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Đơn vị	2020	2021	% Tăng trưởng
Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.837,89	1.985,17	8,01%
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	280,69	380,69	35,63%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.339,01	1513,15	13,01%
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	1.275,63	1.335,82	4,72%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	28,1	113,61	304,31%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	24,44	100,47	311,09%

3. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Damsan đã thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành khi thực hiện triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị như sau: Hội đồng quản trị kết hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát và các giám đốc, người điều hành các đơn vị nắm rõ tình hình hoạt động của công ty để từ đó có những kiến nghị thiết thực giúp Tổng Giám đốc/Ban Tổng giám đốc hoàn thành tốt nhiệm vụ Đại Hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị giao. Định kỳ đại diện Ban Kiểm soát báo cáo tại các cuộc họp Hội đồng quản trị: tình hình quản lý sản xuất kinh doanh tại các bộ phận/đơn vị trong công ty; các rủi ro trọng yếu được phát hiện trong quý đồng thời đưa ra kế hoạch hành động để khắc phục và giảm thiểu rủi ro; báo cáo các cuộc kiểm toán đã thực hiện trong quý, trong đó nêu các phát hiện kiểm toán và giải pháp khắc phục. Qua đó Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát đánh giá kế hoạch hành động cũng như các giải pháp khắc phục có phù hợp với thực tế chưa để từ đó đưa ra các kiến nghị mang tính chất thực tiễn hơn. Định kỳ nghe các Giám đốc/điều hành đơn vị thực hiện báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện các chỉ tiêu được giao trong các cuộc họp Hội đồng quản trị, kịp thời phát hiện những bất cập, khó khăn để đưa ra hướng giải quyết. Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết sau các buổi họp định kỳ và theo yêu cầu để thông qua kết quả hoạt động kinh doanh từng quý, nhận định tình hình thị trường để từ đó rà soát lại kế hoạch kinh doanh quý tiếp theo và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị để Tổng Giám đốc/Ban Tổng giám đốc có cơ sở triển khai thực hiện.

Đánh giá chung Căn cứ Điều lệ, những quy chế và quy định đã ban hành, Hội đồng quản trị giao quyền cho Ban Tổng giám đốc quyết định công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty đồng thời tổ chức thực hiện các quyết định, kế hoạch kinh doanh và phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị và Đại Hội đồng Cổ đông giao cho. Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát bằng các báo cáo định kỳ mỗi quý về kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình hoạt động Công ty và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu, Hội đồng quản trị đánh giá Tổng Giám đốc/Ban Tổng giám đốc đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị đồng thời thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông. Năm 2021 dù chịu ảnh hưởng nặng nề từ các đợt cách ly xã hội và dịch bệnh Covid 19, song Ban điều hành công ty đã rất nỗ lực và đã hoàn thành xuất sắc các hoạt động quản trị điều hành cũng như các chỉ tiêu kinh doanh đặt ra. Đồng thời cũng thực hiện tốt việc xây dựng môi trường kinh doanh dựa trên nền tảng phát triển bền vững, nâng cao công tác quản trị Công ty, nâng cao vai trò quản trị và kiểm soát rủi ro.

II. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022

a. Mục tiêu:

Xây dựng Công ty Cổ phần Damsan vững mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở sử dụng hợp lý các nguồn lực; nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường;

Xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý kinh doanh và chuyên gia giỏi.

b. Định hướng thực hiện:

HĐQT đã đưa ra chủ trương chuyển mô hình quản trị Công ty, đưa mô hình Công ty từ trực tiếp sang văn phòng điều hành và định hướng sang nhận diện thương hiệu theo ngành: Dệt may; Bất động sản đô thị và công nghiệp; Bất động sản giao thông, nhằm phát huy mọi khả năng của đội ngũ quản lý và người lao động tại Công ty:

- ✓ Về nguồn vốn: đa dạng hóa nguồn vốn, đảm bảo chi phí vốn ở mức thấp, cân đối sử dụng an toàn, hiệu quả, bền vững.
- ✓ Về nguồn lực dự kiến: xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, chú trọng công tác tuyển dụng và đào tạo, nâng cao các lớp đào tạo kỹ năng cho cán bộ quản lý; Xây dựng văn hóa doanh nghiệp rõ nét, nâng cao ý thức và kỷ luật người lao động, tăng năng suất lao động.
- ✓ Về kinh doanh: bám sát diễn biến thị trường, linh hoạt trong xử lý tình huống, đa dạng thị trường tiêu thụ và phát triển khách hàng.
- ✓ Về công nghệ: Đối với những dây chuyền cần thay thế hoặc các dự án đầu tư mới, thực hiện đầu tư công nghệ mới, hiệu suất cao, sử dụng năng lượng thấp, tính năng tự động hóa cao.
- ✓ Về quản trị điều hành: Nâng cao năng lực quản trị điều hành, tiếp cận các chuẩn mực quốc tế, ban hành các quy chế, quy trình rõ ràng, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, hiệu quả, bền vững.



F. QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. Hội đồng quản trị

II. Ban Kiểm soát

III. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát



I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Thành viên HĐQT

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Vũ Huy Đông	CT HĐQT	6.961.275	18,28
2	Ông Đỗ Văn Khôi	TV HĐQT không điều hành	1.409.831	3,7
3	Ông Nguyễn Lê Hùng	TV HĐQT không điều hành	1.895.686	4,98
4	Ông Lê Văn Tuấn	TV HĐQT không điều hành	626.590	1,65
5	Ông Phạm Văn Thượng	TV HĐQT độc lập	0	0,00



Ông Vũ Huy Đông Chủ tịch HĐQT

Họ và tên:	Vũ Huy Đông
Ngày sinh:	21/06/1955
Quốc tịch:	Việt Nam
CMND/CCCD số:	034055003633 - do Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 23/10/2017
Địa chỉ:	Số 01 đường Lê Trọng Thứ, tổ 4, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế - Đại học Ngoại thương Hà Nội
Số lượng chức danh thành viên HĐQT/quản lý nắm giữ tại công ty khác:	01



Ông Đỗ Văn Khôi Thành viên HĐQT không điều hành

Họ và tên:	Đỗ Văn Khôi
Ngày sinh:	07/04/1956
Quốc tịch:	Việt Nam
CMND/CCCD số:	010060392 - do CA Hà Nội cấp ngày 02/11/2011
Địa chỉ:	22 phố Vũ Miên, Yên Phụ, Tây Hồ, Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế - Đại học Ngoại thương Hà Nội
Số lượng chức danh thành viên HĐQT/quản lý nắm giữ tại công ty khác:	01



Ông Nguyễn Lê Hùng Thành viên HĐQT không điều hành

Họ và tên:	Nguyễn Lê Hùng
Ngày sinh:	30/08/1973
Quốc tịch:	Việt Nam
CMND/CCCD số:	011652545 - do CA Hà Nội cấp ngày 16/08/2007
Địa chỉ:	P1704 Hanoi Aqua Central, 44 Yên phụ, phường Trúc bạch, quận Ba đình, TP Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Xây dựng - Đại học Xây dựng
Số lượng chức danh thành viên HĐQT/quản lý nắm giữ tại công ty khác:	01



Ông Lê Văn Tuấn Thành viên HĐQT không điều hành

Họ và tên:	Lê Văn Tuấn
Ngày sinh:	01/07/1961
Quốc tịch:	Việt Nam
CMND/CCCD số:	011841151 - do CA Hà Nội cấp ngày 27/05/2010
Địa chỉ:	Số 3 ngõ 53 phố Tôn Thất Thiệp, phường Điện Biên, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
Số lượng chức danh thành viên HĐQT/quản lý nắm giữ tại công ty khác:	02



Ông Phạm Văn Thượng Thành viên HĐQT độc lập

Họ và tên:	Phạm Văn Thượng
Ngày sinh:	19/02/1985
Quốc tịch:	Việt Nam
CMND/CCCD số:	030085004797 - do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 08/10/2018
Địa chỉ:	P2613 CC BMM, Phúc La, Hà Đông, Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân tài chính ngân hàng
Số lượng chức danh thành viên HĐQT/quản lý nắm giữ tại công ty khác:	không

2. Thay đổi trong Hội đồng quản trị

Ông Vũ Huy Đức - Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị từ ngày 24/04/2021.

3. Đánh giá hoạt động của HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Vũ Huy Đông	CT HĐQT	15	100%	
2	Ông Nguyễn Lê Hùng	TV HĐQT	15	100%	
3	Ông Đỗ Văn Khôi	TV HĐQT	15	100%	
4	Ông Lê Văn Tuấn	TV HĐQT	15	100%	
5	Ông Phạm Văn Thượng	TV HĐQT độc lập	15	100%	

Năm 2021, HĐQT của Công ty đã có nhiều nỗ lực, chỉ đạo kịp thời, giám sát chặt chẽ đối với hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các mục tiêu chiến lược và kế hoạch kinh doanh đã đề ra, cụ thể:

- ✓ HĐQT duy trì hoạt động thường xuyên phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty, đảm bảo yêu cầu về số lượng cuộc họp cũng như số thành viên tham dự để đáp ứng tính pháp lý và hiệu quả cuộc họp.
- ✓ HĐQT thực hiện tốt vai trò của mình, theo đó vai trò của thành viên được thể hiện rõ đảm bảo tối đa quyền lợi của cổ đông.
- ✓ HĐQT giám sát việc thực hiện các quyết định của HĐQT và nghị quyết ĐHĐCĐ.
- ✓ HĐQT định hướng và giám sát triển khai các dự án quan trọng của Công ty như quản lý rủi ro, kiểm toán, cải thiện quy trình nghiệp vụ kinh doanh.

4. Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	2601/2021/NQ-HĐQT	26/01/2021	- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 và giao dịch với các bên liên quan	100%
2	2302/2021/NQ-HĐQT-DS	23/02/2021	- Về việc góp vốn mua cổ phần và cử người đại diện góp vốn mua cổ phần tại Công ty CP Đầu tư Thái Bình - Cầu Ngàn.	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
3	0503/2021-NQ/HĐQT	05/03/2021	- Về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2021	100%
4	27042021/NQ-HĐQT	27/04/2021	-Về việc bầu nhân sự giữ chức Chủ tịch HĐQT Tổng giám đốc và Trưởng ban kiểm soát	100%
5	2405/2021/NQ-HĐQT	24/05/2021	- Về việc trả cổ tức năm 2020	100%
6	21062021/NQ-HĐQT	21/06/2021	- Về việc thông qua một số vấn đề liên quan đến triển khai phương án tăng vốn điều lệ trong năm 2021.	100%
7	25062021/NQ-HĐQT	25/06/2021	- Về việc thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng	100%
8	3007/2021/NQ-HĐQT	30/07/2021	- Về việc góp thêm vốn vào Công ty CP Đầu tư Thái Bình Cầu Ngàn	100%
9	0208/2021/NQ-HĐQT	02/08/2021	- Về việc thông qua một số vấn đề liên quan đến triển khai phương án chào bán cổ phần ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2021	100%
10	1008/2021/NQ-HĐQT	10/08/2021	- Về việc điều chỉnh phương án đảm bảo phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	100%
11	1208/2021/NQ-HĐQT	12/08/2021	- Về việc thông qua phương án tăng vốn điều lệ năm 2021, thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng	100%
12	06102021/NQ-HĐQT	06/10/2021	- Về việc thông qua ngày ĐKCC thực hiện quyền mua cổ phiếu của cổ đông hiện hữu	100%
13	11112021/NQ-HĐQT	11/11/2021	- Về việc Triển khai phương án phát hành Trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ năm 2021	100%
14	12112021/NQ-HĐQT	12/11/2021	- Về việc thông qua hồ sơ đăng ký phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ năm 2021	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
15	29112021/NQ-HĐQT	29/11/2021	- Về việc thông qua kết quả chào bán, số cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua, số cổ phiếu lẻ phát sinh của đợt phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng	100%
16	03122021/NQ-HĐQT	03/12/2021	- Về việc thông qua kết quả đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng theo NQ ĐHĐCĐ năm 2021	100%
17	15122021/NQ-HĐQT	15/12/2021	- Về việc sửa đổi Điều lệ công ty	100%
18	21122021/NQ-HĐQT	21/12/2021	- Về việc triển khai Phương án phát hành Trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ năm 2021	100%

II. BAN KIỂM SOÁT

1. Thành viên BKS

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Bà Phạm Thị Hồi	Trưởng BKS	4.699	0,01
2	Bà Tạ Thị Thu Hiền	TV BKS	609	0,002
3	Bà Vũ Thùy Linh	TV BKS	25	0,00

2. Đánh giá hoạt động của BKS

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Bà Phạm Thị Hồi	Trưởng BKS	4	100%	
2	Bà Vũ Thùy Linh	TV BKS	4	100%	
3	Bà Tạ Thị Thu Hiền	TV BKS	4	100%	

3. Hoạt động của Ban Kiểm Soát

Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ giám sát hoạt động quản lý điều hành Công ty đảm bảo nguyên tắc khách quan, trung thực căn cứ vào Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị, các quy định pháp lý hiện hành. Cụ thể, Ban kiểm soát đã triển khai những công việc sau:

- ✓ Tuân thủ đúng Pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và cổ đông của Công ty.
- ✓ Tổ chức họp hàng tháng để kiểm điểm, triển khai công việc theo nhiệm vụ chức năng được giao.
- ✓ Xem xét, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, ban Tổng giám đốc và hệ thống quản lý của Công ty trong suốt niên độ liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch của Công ty năm 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- ✓ Thực hiện giám sát và phối hợp với Ban tổng giám đốc và hệ thống quản lý của Công ty trong suốt niên độ liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch của Công ty năm 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- ✓ Thực hiện giám sát và phối hợp với Ban tổng giám đốc, tổ chức kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của đơn vị thành viên trong công ty. Trực tiếp làm việc với ban lãnh đạo công ty nhằm phát hiện những rủi ro, hoặc những thiếu sót để kiến nghị những giải pháp phù hợp với ban lãnh đạo, điều hành Công ty và các đơn vị.
- ✓ Theo dõi, kiểm tra việc xây dựng quy chế, quy định của công ty và việc thực hiện các quy chế, quy định đã ban hành.
- ✓ Xem xét việc thực hiện quy trình, trình tự thủ tục hồ sơ các Dự án đầu tư của Công ty.
- ✓ Năm 2020 lựa chọn Công ty kiểm toán theo đúng nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của công ty
- ✓ Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh theo Quý, sáu tháng và một năm của Công ty
- ✓ Cử trưởng BKS tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị
- ✓ Tham gia hội nghị CNV người lao động, các cuộc họp do Tổng giám đốc chủ trì.

4. Đánh giá của BKS đối với hoạt động của HĐQT và Ban TGĐ

- Với Hội đồng quản trị

Các hoạt động của HĐQT năm 2021 đã tuân thủ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cũng như các quy định của Pháp luật hiện hành, tổ chức họp thường xuyên, họp định kỳ hàng quý, họp bất thường khi cần thiết do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, thường xuyên mời Trưởng BKS tham dự và triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, thảo luận và quyết nghị những vấn đề chính yếu của Công ty, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai minh bạch.

Đề xuất giải quyết tháo gỡ kịp thời những vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, khai thác những cơ hội thuận lợi, đầu tư phát triển hiệu quả, bảo toàn vốn, giải quyết kịp thời quyền lợi của cổ đông, chế độ đối với người lao động. Các Nghị quyết của HĐQT phù hợp với chức năng, quyền hạn theo quy định của Pháp luật và điều lệ công ty. Các quyết định của HĐQT mang tính tập trung và có sự thống nhất cao.

- Với Ban Tổng giám đốc

Hoạt động của Công ty đã được ban điều hành triển khai thực hiện trên cơ sở Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và Điều lệ Công ty. Ban TGDĐ đã chủ động khắc phục những khó khăn của nền kinh tế và thực trạng tình hình tài chính doanh nghiệp, phân công cơ cấu theo lĩnh vực và sát sao theo tình hình thực tế công việc. Công tác quản lý, điều hành của các đơn vị thành viên đã được cơ cấu theo hướng tích cực, năng động trong thực hiện nhiệm vụ SXKD về tài chính và nghĩa vụ quyền lợi rõ ràng hơn.

III. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BANTỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

1. Thù lao của HĐQT, BKS và Ban Tổng giám đốc

	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập (đồng)
Hội đồng quản trị	Ông Vũ Huy Đông	Chủ tịch HĐQT	640.768.887
	Ông Nguyễn Lê Hùng	TV HĐQT không điều hành	84.000.000
	Ông Đỗ Văn Khôi	TV HĐQT không điều hành	140.000.000
	Ông Lê Văn Tuấn	TV HĐQT không điều hành	84.000.000
	Ông Phạm Văn Thượng	TV HĐQT độc lập	84.000.000
Ban Tổng Giám đốc	Ông Vũ Huy Đức	Tổng giám đốc	480.113.316
	Bà Vũ Phương Diệp	Phó Tổng giám đốc	451.357.449
	Ông Vương Quốc Dương	Phó Tổng giám đốc	442.520.912
	Ông Lê Xuân Chiến	Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng	452.618.568
Ban Kiểm soát	Bà Phạm Thị Hồi	Trưởng BKS	36.000.000
	Bà Vũ Thùy Linh	TV BKS	24.000.000
	Bà Tạ Thị Thu Hiền	TV BKS	24.000.000

2. Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và Người liên quan đến Người nội bộ

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Vũ Huy Đông	Chủ tịch HĐQT	4.739.603	16,89%	6.961.275	18,28%	Mua cổ phiếu
2	Lương Thị Dung	Vợ ông Vũ Huy Đông - Chủ tịch HĐQT	235.158	0,83%	318.935	0,83%	Mua cổ phiếu
3	Vũ Phương Diệp	Phó TGDĐ	1.108.800	3,95%	92.000	0,24%	Bán CP
4	Vũ Huy Đức	Tổng giám đốc	1.504.800	5,36%	2.039.800	5,35%	Mua cổ phiếu
5	Đào Thị Duyên	Vợ của ông Vũ Huy Đức - TGDĐ	138.600	0,49%	186.600	0,49%	Mua cổ phiếu
6	Vũ Xuân Chiêu	Anh trai của Ông Vũ Huy Đông	11.550	0,04%	15.664	0,04%	Mua cổ phiếu
7	Vũ Thị Thảo	Chị gái của ông Vũ Huy Đông	41.550	0,15%	56.352	0,15%	Mua cổ phiếu
8	Vũ Thị Xuân	Em gái Ông Vũ Huy Đông	1.155	0,0041%	74	0%	Bán cổ phiếu
9	Hoàng Thanh Văn	Em rể ông Vũ Huy Đông	293.493	1,05%	93	0%	Bán cổ phiếu
10	Đỗ Văn Khôi	Thành viên HĐQT	1.039.500	3,7%	1.409.831	3,7%	Mua cổ phiếu
11	Nguyễn Thị Oanh	Vợ của ông Đỗ Văn Khôi	345.400	1,23%	468.451	1,23%	Mua cổ phiếu
12	Đỗ Đức Khang	Con trai ông Đỗ Văn Khôi	1.705.000	6,07%	2.312.421	6,07%	Mua cổ phiếu
13	Đỗ Thị Khuyên	Con gái ông Đỗ Văn Khôi	263.632	0,94%	276.102	0,73%	Mua cổ phiếu
14	Lê Văn Tuấn	Thành viên HĐQT	462.000	1,65%	626.590	1,65%	Mua cổ phiếu
15	Nguyễn Lê Hùng	Thành viên HĐQT	1.397.732	4,98%	1.895.686	4,98%	Mua cổ phiếu
16	Hà Thị Tĩnh Tâm	Mẹ đẻ ông Vương Quốc Dương	195.404	0,70%	5	0%	Bán cổ phiếu
17	Vương Hồng Ân	Em gái ông Vương Quốc Dương	119.900	0,43%	0	0%	Bán cổ phiếu

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
18	Lê Xuân Chiến	Phó TGD	948.620	3,38%	258.444	0,68%	Bán cổ phiếu
19	Lê Văn Hiếu	Bố đẻ ông Lê Xuân Chiến	1.155	0,004%	1.566	0,004%	Mua cổ phiếu
20	Vũ Thị Đào	Mẹ đẻ ông Lê Xuân Chiến	1.155	0,004%	1.566	0,004%	Mua cổ phiếu
21	Bùi Thị Hương	Vợ ông Lê Xuân Chiến	1.155	0,004%	1.666	0,004%	Mua cổ phiếu
22	Lê Thị Huế	Em gái ông Lê Xuân Chiến	1.155	0,004%	1.566	0,004%	Mua cổ phiếu
23	Phạm Thị Hồi	Trưởng BKS	3.465	0,01%	4.699	0,01%	Mua cổ phiếu
24	Vũ Thùy Linh	Thành viên BKS	17.325	0,06%	25	0%	Bán cổ phiếu
25	Tạ Thị Thu Hiền	Thành viên BKS	203.309	0,72%	609	0,002%	Bán cổ phiếu
26	Công ty TNHH Golf Long Hưng	Bà Vũ Phương Diệp - phó TGD làm giám đốc	1.664.850	5,93%	50	0%	Bán cổ phiếu

3. Giao dịch, hợp đồng của Công ty với người có liên quan

STT	Tên công ty	Giá trị giao dịch		Ghi chú
		Bán hàng	Mua hàng	
1	Công ty Cổ phần sợi Eiffel	227 tỷ	464 tỷ	
2	Công ty TNHH Golf Long Hưng	320 tỷ	453 tỷ	
3	Công ty TNHH Đông Phong	23 tỷ	29 tỷ	
4	Công ty TNHH SX và TM HTvina	49 tỷ	69 tỷ	

4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Từ khi tham gia thị trường chứng khoán đến nay, Công ty luôn chủ động nắm bắt các quy định pháp luật có liên quan và cập nhật kịp thời như:

- ✓ Tuân thủ đầy đủ nghĩa vụ về Công bố thông tin
- ✓ Định kỳ tổ chức Đại hội đồng cổ đông
- ✓ Xây dựng Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty bám sát theo Luật Doanh nghiệp 2020, Nghị định 155/2020/NĐ - CP về hướng dẫn quản trị công ty áp dụng đối với công ty

đại chúng và Thông tư 116/2020/TT - BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định 155/2020

- ✓ Những việc trên một mặt nâng cao hiệu quả quản lý, mặt khác thúc đẩy sự công bằng, minh bạch trong quá trình xử lý sự cố và những sai sót phát sinh. Qua đó giúp ổn định và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Công ty.

5. Tăng cường hiệu quả quản trị Công ty

Tiêu chí Quản trị	Giải pháp tăng cường hiệu quả
Kế hoạch đào tạo, học tập về quản trị công ty	Các thành viên HĐQT, BKS và BGD lên kế hoạch để tham gia đầy đủ các khóa học/tập huấn về quản trị công ty do UBCKNN/HSX tổ chức
Quan hệ nhà đầu tư	Cập nhật Quy trình công bố thông tin theo Quy chế Công bố thông tin của Sở GDCK TP Hồ Chí Minh
Quản trị tài chính - kế toán	Nâng cao hiệu quả sử dụng phần mềm kế toán trong quản trị tài chính - kế toán





G. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- I. Tác động lên môi trường
- II. Tiêu thụ nước
- III. Tiêu thụ năng lượng
- IV. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường
- V. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

I. TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

1. Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính

- ✓ Bổ sung trồng nhiều cây xanh trong phạm vi Nhà máy để làm tăng quá trình hấp thụ CO2, cải tạo không khí.
- ✓ Cần nâng cao ý thức tiết kiệm điện.
- ✓ Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về công tác bảo vệ môi trường cho toàn thể cán bộ công nhân viên trong toàn Nhà máy.

2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- ✓ Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: 13.950 tấn bông
- ✓ Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty: 8%

II. TIÊU THỤ NƯỚC

1. Lượng nước tiêu thụ

Khối lượng (m ³)	Thành tiền - Chi phí (đồng)	Nguồn cung cấp
12.476,72	105.582.726,00	Công ty CP Bitexco Nam Long; Công ty CP cấp nước Hoàng Diệu

2. Tái chế, xử lý nước thải

Do đặc thù của ngành doanh nghiệp sử dụng một số lượng lớn nước để phục vụ hoạt động sản xuất khăn bông đồ may mặc. Công ty tiến hành quy trình tái chế và xử lý nước thải đúng quy định, không gây ảnh hưởng xấu tới môi trường xung quanh.

III. TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

1. Lượng điện tiêu thụ

Điện năng được Công ty sử dụng chủ yếu cho hai mục đích là vận hành máy móc và chiếu sáng tại công xưởng. Công ty luôn ý thức việc sử dụng tiết kiệm điện năng theo chương trình mục tiêu Quốc gia về tiết kiệm năng lượng đồng thời cũng để cắt giảm chi phí sản xuất doanh nghiệp.

Khối lượng Kwh	Thành tiền - Chi phí (đồng)	Nguồn cung cấp
20.033.396	32.053.432.820	Tổng công ty điện lực Miền Bắc - Công ty Điện lực Thái Bình

2. Tiết kiệm điện

Công ty đã tiến hành thực hiện một chương trình tiết kiệm điện: tuyên truyền nâng cao ý thức người lao động trong việc sử dụng điện và tiến hành thay mới một số bóng đèn tiết kiệm điện.

Trong thời gian tới, Công ty sẽ đẩy mạnh việc giảm thiểu tiêu thụ điện năng bằng cách rà soát

lại các máy móc, trang thiết bị điện để tiến hành thay mới nếu cần thiết.

Công ty đã thực hiện xây dựng hệ thống điện áp mái tại KCN Gia Lễ và KCN Nguyễn Đức Cảnh định hướng phát triển năng lượng tái tạo cho toàn Công ty.

IV. TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty luôn tuân thủ pháp luật và các quy định về bảo vệ môi trường, các đoàn thanh, kiểm tra Môi trường thường đến kiểm tra và kết luận công ty đã tuân thủ về bảo vệ môi trường. Công ty cũng không bị xử phạt hành chính về việc vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định.

V. BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Chia sẻ giá trị với cộng đồng được chúng tôi coi như một trong những sứ mệnh của mình và là một tiêu chí đo lường mức độ thành công của tổ chức. Thành công được chia sẻ mới có thể là thành công bền vững.

Xây dựng một môi trường làm việc đảm bảo mọi người lao động đều được an toàn, khỏe mạnh có cơ hội phát triển, nuôi sống được bản thân, gia đình,... tạo công ăn việc làm ổn định cho lao động địa phương là một trách nhiệm xã hội lớn mà Công ty Cổ phần Damsan đã làm được. Bên cạnh những nỗ lực, cố gắng trong sản xuất kinh doanh, Công ty xác định rõ trách nhiệm của doanh nghiệp xã hội. Hằng năm, Công ty luôn dành một phần lợi nhuận của mình để thực hiện các hoạt động mang tính cộng đồng, góp phần cải thiện đời sống xã hội trên tinh thần giúp đỡ, chia sẻ với những hoàn cảnh khó khăn bất hạnh trong cuộc sống, cùng góp phần xây dựng một xã hội tốt đẹp, nhân văn. Trong năm 2021, Công ty đã đóng góp vào quỹ Vaccine Covid-19 và các hoạt động từ thiện xã hội với tổng trị giá 3,6 tỷ đồng.

Bên cạnh những đóng góp vào sự phát triển cộng đồng, chúng tôi cũng làm tốt trách nhiệm của mình trong việc đảm bảo môi trường sống của cộng đồng địa phương bằng việc thực hiện nghiêm túc và tự giác các quy định và giải pháp về môi trường.

H. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đính kèm Báo cáo thường niên.

Thái Bình, ngày 07 tháng 03 năm 2022

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



CHỦ TỊCH H.Đ.QL
Vũ Huy Đông

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

DAMSAN JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ trụ sở chính

Lô A4 – Đường Bùi Viện – KCN.Nguyễn Đức Cảnh -Thành phố Thái Bình.

PHÒNG KINH DOANH SỢI, BÔNG

TEL

+84 2273 643 998
+84 2273 847 569

FAX

+84 2273 648 569

EMAIL

cotton@damsanjsc.vn
yarn@damsanjsc.vn

PHÒNG KINH DOANH KHĂN BÔNG

TEL

+84.2273.568 789

FAX

+84.2273.568.699

EMAIL

damsanjsc@gmail.com
towel@damsanjsc.vn

PHÒNG TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH

TEL

+84.2273.643.826

EMAIL

hc1@damsanjsc.vn



damsanjsc.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	05-06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	08-09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10-52

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viên, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần DamSan (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Huy Đông	Chủ tịch	
Ông Đỗ Văn Khôi	Ủy viên	
Ông Nguyễn Lê Hùng	Ủy viên	
Ông Vũ Huy Đức	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 24/4/2021
Ông Lê Văn Tuấn	Ủy viên	
Ông Phạm Văn Thượng	Ủy viên	

Ban Điều hành

Ông Vũ Huy Đức	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 27/4/2021
Bà Vũ Phương Diệp	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vương Quốc Dương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Xuân Chiến	Phó Tổng Giám đốc	

Ban Kiểm soát

Bà Phạm Thị Hôi	Trưởng ban
Bà Vũ Thùy Linh	Thành viên
Bà Tạ Thị Thu Hiền	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành



Vũ Huy Đông

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Thái Bình, ngày 25 tháng 01 năm 2022



Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam
Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì
P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588
Fax: (+84 24) 3868 6248
Web: kiemtoanava.com.vn

Số: 147 /BCKT/AVA/NV8

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần DamSan

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần DamSan (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25 tháng 01 năm 2022, từ trang 05 đến trang 52, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần DamSan tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam



Nguyễn Bảo Trung

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN Kiểm toán số: 0373-2018-126-1

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2022

Trần Thị Chúc

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN Kiểm toán số: 3278-2020-126-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.605.935.761.362	1.519.089.292.994
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	126.890.821.732	36.513.085.599
1. Tiền	111		126.805.821.732	36.428.085.599
2. Các khoản tương đương tiền	112		85.000.000	85.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	271.926.234.299	334.080.686.011
1. Chứng khoán kinh doanh	121		30.000.000.000	28.500.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		241.926.234.299	305.580.686.011
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		614.230.059.133	663.905.444.963
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	199.056.892.540	226.864.858.633
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	179.476.731.732	246.534.553.110
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	110.040.258.070	69.245.268.061
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	145.065.910.587	134.237.675.864
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(19.409.733.796)	(12.976.910.705)
IV. Hàng tồn kho	140	12	568.429.137.567	474.923.821.249
1. Hàng tồn kho	141		568.429.137.567	475.043.255.577
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(119.434.328)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		24.459.508.631	9.666.255.172
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16	520.733.676	394.781.676
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		23.912.351.900	6.727.179.209
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	26.423.055	2.544.294.287
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		379.232.838.690	318.801.829.906
II. Tài sản cố định	220		224.755.548.618	273.849.646.329
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	223.841.295.507	272.839.127.898
- Nguyên giá	222		559.096.199.126	584.709.460.976
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(335.254.903.619)	(311.870.333.078)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	914.253.111	1.010.518.431
- Nguyên giá	228		2.285.306.375	2.285.306.375
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.371.053.264)	(1.274.787.944)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	-	-
- Nguyên giá	231		14.540.799.490	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(14.540.799.490)	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.938.339.273	895.936.255
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.938.339.273	895.936.255
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	140.094.596.119	32.794.645.466
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		140.094.596.119	32.794.645.466
VI. Tài sản dài hạn khác	260		12.444.354.680	11.261.601.856
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	12.325.807.594	11.140.855.430
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	.a	118.547.086	120.746.426
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.985.168.600.052	1.837.891.122.900


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021


MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.401.266.277.396	1.415.747.458.812
I. Nợ ngắn hạn	310		1.299.461.694.986	1.317.852.535.134
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	95.275.205.042	110.750.749.077
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	47.295.736.723	22.296.168.034
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	7.635.648.529	1.887.907.966
4. Phải trả người lao động	314		10.138.476.039	4.411.817.138
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	579.460.595	671.416.932
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	508.757.769.094	507.729.687.313
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	627.051.513.380	667.376.903.090
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.727.885.584	2.727.885.584
II. Nợ dài hạn	330		101.804.582.410	97.894.923.678
1. Phải trả dài hạn khác	337	21	1.909.522.900	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	99.895.059.510	97.894.923.678
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		583.902.322.656	422.143.664.088
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	583.902.322.656	422.143.664.088
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		380.694.500.000	280.694.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		380.694.500.000	280.694.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		60.125.420.714	60.283.587.273
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.294.024.276	2.294.024.276
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.410.274.952	10.410.274.952
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		89.238.568.278	32.097.911.258
- LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước	421a		4.028.461.258	11.051.466.501
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		85.210.107.020	21.046.444.757
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		41.139.534.436	36.363.366.329
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		1.985.168.600.052	1.837.891.122.900


Phạm Thị Dung
Người lập


Phạm Thị Dung
Kế toán trưởng




Vũ Huy Đông
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Thái Bình, ngày 25 tháng 01 năm 2022

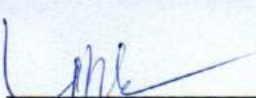
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2021

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	1.513.151.486.160	1.339.290.824.043
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	-	280.361.045
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.513.151.486.160	1.339.010.462.998
4. Giá vốn hàng bán	11	27	1.335.818.060.189	1.275.630.164.404
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		177.333.425.971	63.380.298.594
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	29.020.606.836	28.587.314.157
7. Chi phí tài chính	22	29	41.407.141.325	45.854.956.567
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		35.825.605.754	43.714.386.521
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		999.950.653	757.801.119
9. Chi phí bán hàng	25	30	17.070.613.409	10.750.545.937
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	39.298.688.073	22.383.338.041
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		109.577.540.653	13.736.573.325
12. Thu nhập khác	31	32	6.701.532.336	16.110.128.564
13. Chi phí khác	32	33	2.672.428.702	1.746.102.203
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		4.029.103.634	14.364.026.361
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		113.606.644.287	28.100.599.686
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34	13.118.169.820	3.672.262.792
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	c	2.199.340	(14.079.760)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		<u>100.486.275.127</u>	<u>24.442.416.654</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm	61		85.210.107.020	21.046.444.757
20. soát	62		15.276.168.107	3.395.971.897
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	2.952	750



Phạm Thị Dung
 Người lập



Phạm Thị Dung
 Kế toán trưởng



Vũ Huy Đông
 Chủ tịch Hội đồng quản trị

Thái Bình, ngày 25 tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2021
 (Theo phương pháp gián tiếp)

MÃ SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

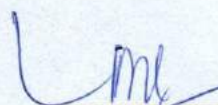
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		113.606.644.287	28.100.599.686
6. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		59.839.699.048	51.872.177.354
- Các khoản dự phòng	03		6.313.388.763	2.264.379.900
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		3.057.484.225	583.914.080
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(30.246.677.771)	(57.940.120.617)
- Chi phí lãi vay	06		35.825.605.754	43.714.386.521
14 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		188.396.144.306	68.595.336.924
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		62.947.599.253	(38.317.014.107)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(93.032.002.460)	(87.081.254.340)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		17.550.526.009	104.948.705.387
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.310.904.164)	(1.801.857.708)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(1.500.000.000)	(15.810.000.000)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(35.978.775.474)	(43.855.366.492)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(11.921.453.647)	(2.612.692.426)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(2.442.781.637)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		125.151.133.823	(18.376.924.399)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(16.694.714.426)	(2.390.118.073)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		11.660.509.118	22.573.839.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(223.219.293.155)	(126.467.338.077)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		246.078.754.858	113.038.276.823
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(106.300.000.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		28.561.700.577	44.624.643.479
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(59.913.043.028)	51.379.303.243


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2021
(Theo phương pháp gián tiếp)


MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		99.841.833.441	-
2. Tiền thu từ đi vay	33		1.740.851.688.161	1.794.355.539.328
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.782.234.317.518)	(1.820.025.192.206)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(33.319.450.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		25.139.754.084	(25.669.652.878)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		90.377.844.879	7.332.725.966
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		36.513.085.599	29.459.908.057
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(108.746)	(279.548.424)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	5	126.890.821.732	36.513.085.599


Phạm Thị Dung
Người lập


Phạm Thị Dung
Kế toán trưởng




Vũ Huy Đông
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Thái Bình, ngày 25 tháng 01 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần DamSan được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 1000389853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 12 tháng 6 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 380.694.500.000 đồng, vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 380.694.500.000 đồng; tương đương 38.069.450 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất sợi, vải dệt thoi, hoàn thiện sản phẩm dệt;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép, chi tiết: bán buôn vải, hàng may sẵn;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: bán buôn sợi dệt; bông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành dệt may;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, chi tiết: xây dựng công trình đường bộ; sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục);

Cấu trúc Tập đoàn**Tổng số công ty con:**

- Số lượng công ty con được hợp nhất: 01.
- Số lượng công ty con không được hợp nhất: 0.

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2021 bao gồm:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần sợi Eiffel	Thái Bình	80,00%	80,00%	Dệt sợi

Công ty có các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2021 bao gồm:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP - Viện nghiên cứu Dệt may	Hà Nội	30,00%	30,00%	Nghiên cứu sản xuất sợi
Công ty CP Đầu tư Thái Bình Cầu Ngân	Thái Bình	45,00%	45,00%	Xây dựng cầu, đường bộ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2 . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành theo tỷ lệ sản phẩm hoàn thành tương đương.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy vi tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Phần mềm máy vi tính khấu hao trong 07 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Phần cơ sở hạ tầng tại Dự án Khu công nghiệp An Ninh huyện Tiền Hải được Công ty ghi nhận doanh thu một lần thì Công ty thực hiện trích khấu hao một lần vào giá vốn của dịch vụ cho thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Công ty đã thu hoặc chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Doanh thu cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng

Công ty áp dụng quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp để ghi nhận doanh thu từ tiền cho thuê tài sản. Theo đó, đối với trường hợp thời gian cho thuê chiếm hơn 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, Công ty ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và doanh nghiệp cho thuê không có nghĩa vụ trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê;
- Doanh nghiệp cho thuê phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

Đồng thời, Công ty thực hiện trích khấu hao của bất động sản đầu tư một lần vào giá vốn của dịch vụ cho thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thương hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thương hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thương hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm

Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chi trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chi trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành bán trong năm và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản đã bán (được xác định theo diện tích).

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Dự án nhà ở xã hội cho các hộ dân có thu nhập thấp theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao chịu thuế suất thuế GTGT 5%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ưu đãi thuế:

Công ty được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập phát sinh từ dự án Nhà máy DamSan I là thuế suất 15% áp dụng trong 12 năm, miễn thuế 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo. Thu nhập từ dự án Nhà máy DamSan II được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 17% áp dụng trong thời gian 10 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, miễn thuế 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo. Thu nhập từ dự án xây dựng nhà thu nhập thấp được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10%. Năm 2021 là năm thứ 15 Công ty có lãi từ dự án nhà máy DamSan I và là năm thứ 11 Công ty có lãi từ dự án nhà máy DamSan II, thuế suất thuế TNDN áp dụng trong năm là 20%.

Công ty Cổ phần Sợi Eiffel được hưởng ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư trong khu công nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập. Theo đó, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế, mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 17%. Năm 2021, Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong .

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSANLô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	310.548.647	826.404.076
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	126.495.273.085	35.601.681.523
Các khoản tương đương tiền	85.000.000	85.000.000
	126.890.821.732	36.513.085.599

Tại 31/12/2021, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng có giá trị 85.000.000 đồng được gửi tại ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam với lãi suất 3,3%/năm.

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư ngắn hạn	241.926.234.299	241.926.234.299	305.580.686.011	305.580.686.011
Tiền gửi có kỳ hạn	241.926.234.299	241.926.234.299	305.580.686.011	305.580.686.011
	241.926.234.299	241.926.234.299	305.580.686.011	305.580.686.011

Ngân hàng	Kỳ hạn (Tháng)	Lãi suất năm (%)	Số tiền tại 31/12/2021
Ngân hàng NN&PTNTVN - CN Tây Đô	12-13 tháng	4,9%	21.112.149.200
Ngân hàng TMCP Đại Chúng - CN Thái Bình	12 tháng	6%	16.000.000.000
Ngân hàng HD Bank - CN Thái Bình	13 tháng	6,85%	1.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Bình	06-13 tháng	4,15% đến 5,1%	29.431.746.373
Ngân hàng TNHH Indovina - CN Hà Nội	13 tháng	5,4%	25.370.156.531
Ngân hàng TMCP Công Thương - CN Thái Bình	12 tháng	4,9%	15.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Bình	12-13 tháng	3,7% đến 4,9%	84.903.274.623
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Thái Bình	06-13 tháng	4,75%	18.300.000.000
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội	13 tháng	6,1%	0
Ngân hàng TMCP Bắc Á - CN Thái Bình	13 tháng	6,85%	927.532.856
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Thái Bình	06 - 13 tháng	5% đến 6,3%	23.881.374.716
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Hà Nội	12 tháng	4,9%	6.000.000.000
Tổng cộng			241.926.234.299

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**b) Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị trái phiếu	30.000.000.000	30.000.000.000	-	28.500.000.000	28.500.000.000	-
Trái phiếu Ngân hàng TMCP BIDV	-	-	-	3.500.000.000	3.500.000.000	-
Trái phiếu Ngân hàng Vietinbank	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-
Trái phiếu Ngân hàng Agribank	25.000.000.000	25.000.000.000	-	20.000.000.000	20.000.000.000	-
	30.000.000.000	30.000.000.000	-	28.500.000.000	28.500.000.000	-

Các khoản đầu tư trái phiếu nắm giữ với mục đích kinh doanh bao gồm:

- Trái phiếu do Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam phát hành: Số lượng trái phiếu: 25.000 trái phiếu; Mệnh giá 1.000.000 đồng/ trái phiếu; Kỳ hạn trái phiếu: 07 năm. Lãi trả 01 năm/ 1 lần với lãi suất năm: 6,9%/năm.
- Trái phiếu do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành: Số lượng trái phiếu: 500 trái phiếu; Mệnh giá 10.000.000 đồng/ trái phiếu; Ngày phát hành: 27/9/2019, kỳ hạn trái phiếu: 10 năm. Lãi trả 01 năm/ 1 lần với lãi suất: 8%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	137.875.000.000		-	31.575.000.000		-
Công ty CP - Viện nghiên cứu Dệt may	31.575.000.000		-	31.575.000.000		-
Công ty CP Đầu tư Thái Bình Cầu Ngàn	106.300.000.000		-	-		-
	137.875.000.000		-	31.575.000.000		-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2021 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP - Viện nghiên cứu Dệt may	Hà Nội	30%	30%	Sản xuất sợi, nghiên cứu phát triển ngành dệt may
Công ty CP Đầu tư Thái Bình Cầu Ngàn	Thái Bình	45%	45%	Xây dựng cầu, đường bộ

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và công ty liên doanh, liên kết trong năm: xem chi tiết tại Thuyết minh số 40.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu khách hàng nước ngoài	40.745.571.999	27.121.418.868
Ning Bo Cimei Im&Ex Co.,Ltd	5.269.511.391	5.269.511.391
Kajun Co.,Ltd	1.480.862.490	-
Anhui light industries international Co.,Ltd	9.304.159.738	-
Xiamen ITG group corp.,Ltd	18.823.524.198	13.873.859.566
Ya Mai Chi Co.,Ltd	1.355.118.817	1.498.988.926
Zhejiang Textile Im&Ex Group Co.,Ltd	3.524.886.210	-
Changzhou Cloud Cloth Industry Co.,Ltd	-	2.820.679.441
Totsu Koeki Co.,Ltd	-	433.029.189
Các khoản phải thu khách hàng khác	987.509.155	3.225.350.355
Phải thu khách hàng trong nước	158.311.320.541	199.743.439.765
Công ty TNHH Dệt may Minh Thành Hà Nội	-	1.596.419.946
Công ty TNHH Sợi dệt Hợp Thành	-	7.247.278.076
Công ty CP Thương mại Đầu tư Thái Bình	4.129.983.749	-
Công ty TNHH Golf Long Hưng	42.699.438.547	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	33.470.652.739	20.604.076.221
Phải thu khách hàng mua bất động sản	78.011.245.506	170.295.665.522
	<u>199.056.892.540</u>	<u>226.864.858.633</u>
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	<u>4.129.983.749</u>	<u>-</u>
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40.)</i>		

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSANLô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Golf Long Hưng	58.226.299.355	-	164.177.930.010	-
Công ty CP Thương mại Đầu tư Thái Bình	542.053.809	-	10.914.685.809	-
Công ty TNHH Xây dựng Đức Dũng Thái	100.719.634.769	-	44.578.737.953	-
Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và phát triển AND	-	-	200.000.000	-
Công ty CP Công nghệ Xây dựng Hà Việt	-	-	5.082.026.375	-
Công ty CP kỹ thuật công nghệ Ecotek	-	-	2.000.000.000	-
Trii Union Management Co.,Ltd	700.337.056	-	667.446.475	-
Trả trước khác	19.288.406.743	10.466.373.561	18.913.726.488	9.804.522.682
	179.476.731.732	10.466.373.561	246.534.553.110	9.804.522.682

9 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Trung tâm Phát triển quỹ đất Thành phố Thái Bình ⁽¹⁾	53.598.156.191	51.658.416.182
+ Dự án Quang Trung	30.571.542.800	30.529.005.851
+ Dự án Phú Xuân	23.026.613.391	21.129.410.331
Ủy Ban nhân dân tỉnh Thái Bình ⁽²⁾	8.407.370.232	8.407.370.232
+ Dự án Lê Hồng Phong	1.777.265.728	1.777.265.728
+ Dự án Bỏ Xuyên	6.630.104.504	6.630.104.504
Các khoản cho vay ngắn hạn khác	48.034.731.647	9.179.481.647
	110.040.258.070	69.245.268.061

⁽¹⁾ Khoản tiền Công ty ứng cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất TP Thái Bình theo văn bản thỏa thuận về việc ứng tiền để giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng công trình khu nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tại khu nhà 5 tầng tổ 39, 40 phường Quang Trung, TP Thái Bình và dự án khu dân cư Phú Xuân, TP Thái Bình.

⁽²⁾ Khoản tiền Công ty ứng cho Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình theo văn bản thỏa thuận về việc ứng tiền để giải phóng mặt bằng dự án đầu tư dự án khu dân cư Lê Hồng Phong, và dự án Bỏ Xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện. KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình. tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.288.671.659	-	12.277.493.508	-
Tạm ứng	23.058.856.631	-	18.721.426.324	-
Ký cược, ký quỹ	332.500.000	-	1.100.000.000	-
BQL các khu công nghiệp tỉnh Thái Bình	1.041.196.000	-	1.041.196.000	-
Trung tâm phát triển quỹ đất TP Thái Bình ⁽¹⁾	7.071.411.542	-	8.968.614.602	-
UBND Tỉnh Thái Bình ⁽²⁾	4.347.661.275	-	3.490.611.275	-
Sở Tài chính tỉnh Thái Bình ⁽³⁾	76.041.312.586	-	76.041.312.586	-
Phải thu khác	25.884.300.894	-	12.597.021.569	-
	145.065.910.587	-	134.237.675.864	-

⁽¹⁾ Lãi dự thu Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Thái Bình từ tiền ứng trước giải phóng mặt bằng khu nhà ở xã hội Quang Trung.

⁽²⁾ Lãi dự thu Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình từ tiền ứng trước giải phóng mặt bằng khu dân cư Phú Xuân, khu dân cư Bồ Xuyên và khu dân cư Lê Hồng Phong.

⁽³⁾ Tiền thu hộ theo QĐ số 4581/UBND-KT ngày 24/11/2017 về việc nộp toàn bộ số tiền thu được từ việc mở bán và cho thuê căn hộ tại dự án Khu nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tổ 39, 40 phường Quang Trung, Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11 . NỢ XẤU

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	30.042.996.740	10.633.262.944	16.547.280.823	3.570.370.118
<i>Ghulam Rabbani and Co</i>	833.194.874	-	833.194.874	-
<i>Sofeene enterprises</i>	761.021.813	-	761.021.813	-
<i>LGW Limited</i>	545.706.638	-	545.706.638	-
<i>Saurashtra cotton & Agro Products pvt., Ltd</i>	405.703.253	-	405.703.253	-
<i>Đối tượng khác</i>	27.497.370.162	10.633.262.944	14.001.654.245	3.570.370.118
	30.042.996.740	10.633.262.944	16.547.280.823	3.570.370.118

12 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	8.362.188.000	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	70.586.344.048	-	78.601.640.168	(119.434.328)
Công cụ, dụng cụ	8.120.759.288	-	6.688.279.690	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	407.430.127.922	-	364.402.480.857	-
Thành phẩm	31.878.363.777	-	20.285.033.544	-
Hàng hoá	41.942.148.653	-	977.571.100	-
Hàng gửi đi bán	109.205.879	-	4.088.250.218	-
	568.429.137.567	-	475.043.255.577	(119.434.328)

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12 . HÀNG TỒN KHO

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Dự án phát triển nhà ở khu dân cư xã Phú Xuân, TP Thái Bình	132.001.031.267	-	127.207.845.741	-
Dự án nhà ở xã hội, nhà ở thương mại Quang	53.045.802.250	-	53.542.732.640	-
Dự án liên kề khu Quang Trung	22.165.218.339	-	26.673.080.627	-
Dự án Bồ Xuyên	8.937.294.254	-	6.936.411.455	-
Dự án VP Hồ Chí Minh	16.201.276.540	-	16.201.276.540	-
Chi phí thực hiện các dự án khác	3.583.124.164	-	3.709.605.044	-
Sản phẩm dở dang	171.496.381.108	-	130.131.528.810	-
	407.430.127.922	-	364.402.480.857	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2021	127.852.002.420	444.541.584.731	11.765.003.188	550.870.637	584.709.460.976
Mua sắm	-	1.063.793.736	-	47.718.182	1.111.511.918
Phân loại lại	(137.220.000)	137.220.000	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(26.130.819.223)	(593.954.545)	-	(26.724.773.768)
Tại ngày 31/12/2021	127.714.782.420	419.611.779.244	11.171.048.643	598.588.819	559.096.199.126
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2021	52.088.297.801	253.711.895.222	5.521.876.102	548.263.953	311.870.333.078
Trích khấu hao	7.269.247.389	36.658.063.435	1.188.635.355	6.688.055	45.122.634.234
Phân loại lại	57.833.942	(49.425.663)	(8.408.279)	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(21.151.661.059)	(586.402.634)	-	(21.738.063.693)
Tại ngày 31/12/2021	59.415.379.132	269.168.871.935	6.115.700.544	554.952.008	335.254.903.619
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2021	75.763.704.619	190.829.689.509	6.243.127.086	2.606.684	272.839.127.898
Tại ngày 31/12/2021	68.299.403.288	150.442.907.309	5.055.348.099	43.636.811	223.841.295.507

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSANLô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***14 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2021	1.925.306.375	360.000.000	2.285.306.375
Tại ngày 31/12/2021	1.925.306.375	360.000.000	2.285.306.375
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2021	914.787.944	360.000.000	1.274.787.944
Trích khấu hao	96.265.320	-	96.265.320
Tại ngày 31/12/2021	1.011.053.264	360.000.000	1.371.053.264
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2021	1.010.518.431	-	1.010.518.431
Tại ngày 31/12/2021	914.253.111	-	914.253.111

15 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Cơ sở hạ tầng khu công nghiệp	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2021	-	-
Tăng do đã cho thuê trong năm	14.540.799.490	14.540.799.490
Tại ngày 31/12/2021	14.540.799.490	14.540.799.490
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2021	-	-
Trích khấu hao	14.540.799.490	14.540.799.490
Tại ngày 31/12/2021	14.540.799.490	14.540.799.490
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2021	-	-
Tại ngày 31/12/2021	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Bất động sản đầu tư được ghi nhận tăng trong năm tương ứng với phần diện tích đã đủ điều kiện ghi nhận doanh thu cho thuê trong năm đối với dự án Cụm Công nghiệp An Ninh, Huyện Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình.

Phần cơ sở hạ tầng tại dự án khu công nghiệp mà Công ty ghi nhận doanh thu một lần được Công ty thực hiện trích khấu hao một lần vào giá vốn của dịch vụ cho thuê.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cần được trình bày. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chưa đánh giá lại giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư.

16 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	520.733.676	394.781.676
	<u>520.733.676</u>	<u>394.781.676</u>
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	9.924.610.416	10.141.294.124
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.401.197.178	999.561.306
	<u>12.325.807.594</u>	<u>11.140.855.430</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17 . PHẢI NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
Phải trả cho hoạt động sản xuất kinh doanh				
<i>Nhà cung cấp trong nước</i>				
Công ty CP Công nghệ Xây dựng Hà Việt	2.770.570.128	2.770.570.128	-	-
Công ty Cổ phần SHP dựng Đức Dũng Thái Bình	2.908.299.905	2.908.299.905	-	-
Công ty TNHH Golf Long Hưng	-	-	3.361.989.438	3.361.989.438
Phải trả người bán khác	20.721.531.423	20.721.531.423	1.985.515.888	1.985.515.888
<i>Nhà cung cấp nước ngoài</i>				
Ambica Cot Seeds Limited	14.872.031.690	14.872.031.690	20.541.249.479	20.541.249.479
Axita Exports Private Limited	-	-	44.141.336.689	44.141.336.689
Krishna Traders	9.695.217.441	9.695.217.441	9.737.041.913	9.737.041.913
Uday cotton industries	23.049.847.737	23.049.847.737	22.244.213.470	22.244.213.470
Textile enterprises limited	978.621.279	978.621.279	964.046.221	964.046.221
M/S Nakoda Enterprises	9.778.683.537	9.778.683.537	-	-
Phải trả người bán khác	4.032.440.178	4.032.440.178	2.073.039.255	2.073.039.255
Phải trả cho nhà thầu xây lắp				
Công ty CP Xây dựng GM	901.474.324	901.474.324	135.829.324	135.829.324
Công ty CP Xây dựng số 2	5.566.487.400	5.566.487.400	5.566.487.400	5.566.487.400
	95.275.205.042	95.275.205.042	110.750.749.077	110.750.749.077

18 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Năng lượng xanh AD	30.000.000.000	-
Hunan Dong Xin Group Co.Ltd	7.983.939.474	7.983.939.474
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	9.311.797.249	14.312.228.560
	47.295.736.723	22.296.168.034

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	2.000.000.000	-	42.848.561.742	36.245.581.727	-	4.602.980.015
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	544.294.287	-	755.518.474	230.515.738	19.291.551	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.763.945.535	13.118.169.820	11.921.453.647	-	2.960.661.708
Thuế Thu nhập cá nhân	-	123.962.431	1.841.207.846	1.893.163.471	-	72.006.806
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	317.851.540	324.983.044	7.131.504	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	12.626.339	12.626.339	-	-
	2.544.294.287	1.887.907.966	58.893.935.761	50.628.323.966	26.423.055	7.635.648.529

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	518.247.212	671.416.932
Chi phí phải trả khác	61.213.383	-
	579.460.595	671.416.932

21 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Phải trả ngắn hạn khác		
Kinh phí công đoàn	1.122.825.517	922.719.138
Bảo hiểm xã hội	15.367.989	15.295.605
Bảo hiểm y tế	28.637.022	30.107.279
Bảo hiểm thất nghiệp	7.615.996	7.645.808
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	1.876.260.180
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	11.507.750.000	6.257.750.000
Phải trả tiền đất và chi phí hạ tầng dự án KĐT Phú Xuân ⁽¹⁾	255.375.496.620	255.375.496.620
Phải trả tiền đất khu nhà ở liền kề khu Quang Trung ⁽²⁾	37.318.547.571	37.318.547.571
Phí bảo trì tòa nhà	3.150.754.067	3.371.903.616
Thu tiền ứng vốn dự án	193.953.808.596	160.812.615.686
Thu tiền hợp tác thực hiện Dự án BOT Cầu Nghìn	1.247.750.000	21.650.000.000
Phải trả khác	5.029.215.716	20.091.345.810
	508.757.769.094	507.729.687.313
b) Phải trả dài hạn khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.909.522.900	-
	1.909.522.900	-

⁽¹⁾ Phải trả tiền đất và chi phí hạ tầng dự án KĐT Phú Xuân theo Quyết định số 3202/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thái Bình ngày 08/11/2016 và theo hướng dẫn của Tờ trình số 708/TTr-STC do Sở Tài chính gửi UBND tỉnh Thái Bình ngày 16/12/2016.

⁽²⁾ Phải trả tiền quyền sử dụng đất khu nhà ở Quang Trung đợt 1 theo Quyết định số 2966/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thái Bình ngày 13/11/2017.

Hai khoản phải trả trên sẽ được thanh toán bù trừ (số tiền bù trừ chi tiết theo Thuyết minh số 10 mục i, ii, iii và Thuyết minh số 12 khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang công trình nhà ở xã hội Quang Trung khi công ty thực hiện quyết toán các khoản chi đầu tư của hợp đồng BT số 01/2015/HĐBT ngày 16/11/2015 giữa Công ty Cổ phần Damsan và UBND Thành phố Thái Bình.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	639.518.666.686	639.518.666.686	1.691.499.722.850	1.750.336.542.823	580.681.846.713	580.681.846.713
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	27.858.236.404	27.858.236.404	50.181.706.667	31.670.276.404	46.369.666.667	46.369.666.667
	667.376.903.090	667.376.903.090	1.741.681.429.517	1.782.006.819.227	627.051.513.380	627.051.513.380
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
Vay dài hạn	125.753.160.082	125.753.160.082	72.867.851.667	50.899.864.168	146.264.726.177	146.264.726.177
	125.753.160.082	125.753.160.082	72.867.851.667	50.899.864.168	146.264.726.177	146.264.726.177
Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	27.858.236.404	27.858.236.404	50.181.706.667	31.670.276.404	46.369.666.667	46.369.666.667
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	97.894.923.678	97.894.923.678			99.895.059.510	99.895.059.510

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn của Công ty:

	Loại tiền	31/12/2021	01/01/2021
		VND	VND
Vay ngắn hạn			
Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh Tây Đô - Hà Nội	VND	48.133.603.242	100.678.815.643
Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh Tây Đô - Hà Nội	USD	148.617.170.000	85.186.500.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Thái Bình	VND	106.105.652.491	111.486.126.083
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Thái Bình	USD	97.161.259.423	35.335.849.835
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Thái Bình	USD	20.232.067.500	19.524.971.125
Ngân hàng TMCP MBBank - CN Thái Bình	USD	22.276.942.018	25.282.550.000
Ngân hàng TMCP Bắc Á - CN Thái Bình	USD	11.139.120.000	44.524.800.000
Ngân hàng TNHH INDOVINA	USD	46.942.920.000	29.810.760.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng VN - CN Thái Bình	USD	-	88.353.900.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Thái Bình	USD	28.398.450.000	20.343.260.000
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương - CN Thái Bình	USD	-	31.283.310.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Hà Nội	USD	6.080.919.639	-
Chi nhánh Ngân hàng TMCP Quốc tế Tại Thái Bình	USD	45.593.742.400	44.689.874.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả			
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Thái Bình	USD	28.968.000.000	26.401.815.000
Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh Tây Đô - Hà Nội	VND	16.521.666.667	-
Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam	VND	880.000.000	-
Ngân hàng TMCP MBBank - CN Thái Bình	USD	-	1.456.421.404
		627.051.513.380	667.376.903.090

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

Thông tin bổ sung các khoản vay ngắn hạn

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay	Lãi suất vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2021	Phương thức bảo đảm tiền vay
1	Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1462-LAV-202100241 ngày 14/04/2021	200.000.000.000	Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của từng thời kỳ	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC	Thời hạn cho vay tối đa không quá 6 tháng đối với từng lần giải ngân, thời hạn hợp đồng tới ngày 13/04/2022	196.750.773.242	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Thái Bình Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/2127123/HDTD ngày 30 tháng 11 năm 2021	150.000.000.000	Lãi suất quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 30 tháng 10 năm 2022	100.362.463.613	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/7217771/HĐTD ngày 30/11/2021	125.000.000.000	Lãi suất quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến hết tháng 11 năm 2022	102.904.448.301	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
3	Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Thái Bình Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2021- HĐCVHM/NHCT360- DAMSAN ngày 15 tháng 06 năm 2021	20.000.000.000	Lãi suất quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bông sợi, khăn bông các loại.	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	20.232.067.500	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
4	Ngân hàng TMCP MBBank - CN Thái Bình Hợp đồng cấp tín dụng số 43350.21.755.1122640.TD ngày 30 tháng 08 năm 2021	100.000.000.000	Lãi suất quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bông sợi, khăn bông các loại.	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	22.276.942.018	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản

Thông tin bổ sung các khoản vay ngắn hạn (tiếp)

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay	Lãi suất vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2021	Phương thức bảo đảm tiền vay
5	Ngân hàng TNHH INDOVINA Hợp đồng tín dụng số 2034/IVB - HĐTD/2020 ký ngày 09 tháng 08 năm 2021	3.000.000USD	Lãi suất quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	46.942.920.000	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
6	Ngân hàng TMCP Hàng Hải VN - CN Hà Nội Hợp đồng tín dụng số HAN149/2021/HDTD ngày 16 tháng 09 năm 2021	70.000.000.000	Lãi suất quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	6.080.919.639	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
7	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Thái Bình Hợp đồng tín dụng số 95/2021/HDHM- PN/SHB,112600 ngày 19 tháng 04 năm 2021	200.000.000.000	Lãi suất quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	28.398.450.000	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
8	Ngân hàng TMCP Bắc Á - CN Thái Bình Hợp đồng tín dụng số 157/2020/HDTDBACABA NK,140 ngày 30 tháng 12 năm 2020	50.000.000.000	Lãi suất quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể	Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh bông sợi các loại, xây dựng dân dụng	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	11.139.120.000	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
9	Chi nhánh Ngân hàng TMCP Quốc tế Tại Thái Bình Hợp đồng tín dụng số 811987121 ngày 05 tháng 07 năm 2021	140.000.000.000	Lãi suất quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm bông, sợi, khăn bông	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	45.593.742.400	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản

Thông tin bổ sung các khoản vay dài hạn và nợ dài hạn đến hạn trả

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay	Lãi suất vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2021	Phương thức bảo đảm tiền vay
1	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Thái Bình Hợp đồng tín dụng số 01/2015/7217771/HĐTĐ ngày 28/10/2015, phụ lục hợp đồng ngày 09/08/2017		Lãi suất cố định, lãi suất thả nổi theo văn bản nhận nợ của khách hàng với ngân hàng	Xây dựng nhà máy kéo sợi Eiffel	102 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	78.364.726.177	Tài sản hình thành từ vốn vay
2	Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô Hợp đồng tín dụng số 1462- LAV-202000861 ký ngày 26/11/2020		Lãi suất cố định, lãi suất thả nổi theo văn bản nhận nợ của khách hàng với ngân hàng	Thực hiện dự án khu công nghiệp An Ninh, Huyện Tiền Hải	Thời hạn vay 60 tháng	56.900.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
3	Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam Hợp đồng tín dụng đầu tư bảo vệ môi trường số 01- 21/TDĐT-QMT/EFL ký ngày 26/4/2021 Tổng cộng		Lãi suất cho vay là 2,6%/năm	Thanh toán chi phí thực hiện Dự án Nhà máy xử lý nước thải cụm Công nghiệp An	Thời hạn vay 7 năm kể từ ngày giải ngân	11.000.000.000 146.264.726.177	Tài sản hình thành từ vốn vay

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Năm 2020							
Tại ngày 01/01/2020	255.178.010.000	60.283.587.273	2.294.024.276	10.174.889.750	36.960.265.171	38.217.394.432	403.108.170.902
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	-	21.046.444.757	3.395.971.897	24.442.416.654
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	235.385.202	(235.385.202)	-	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	25.516.490.000	-	-	-	(25.516.490.000)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(156.923.468)	-	(156.923.468)
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	(5.250.000.000)	(5.250.000.000)
Tại ngày 31/12/2020	280.694.500.000	60.283.587.273	2.294.024.276	10.410.274.952	32.097.911.258	36.363.366.329	422.143.664.088
Năm 2021							
Tại ngày 01/01/2021	280.694.500.000	60.283.587.273	2.294.024.276	10.410.274.952	32.097.911.258	36.363.366.329	422.143.664.088
Tăng vốn trong năm nay	100.000.000.000	(158.166.559)	-	-	-	-	99.841.833.441
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	-	-	85.210.107.020	15.276.168.107	100.486.275.127
Chia cổ tức	-	-	-	-	(28.069.450.000)	(10.500.000.000)	(38.569.450.000)
Tại ngày 31/12/2021	380.694.500.000	60.125.420.714	2.294.024.276	10.410.274.952	89.238.568.278	41.139.534.436	583.902.322.656

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	31/12/2021	Tỷ lệ	01/01/2021
	(%)	VND	(%)	VND
Vốn góp của các cổ đông	100%	380.694.500.000	100,0%	280.694.500.000
	100%	380.694.500.000	100%	280.694.500.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	380.694.500.000	280.694.500.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	280.694.500.000	255.178.010.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	100.000.000.000	25.516.490.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	380.694.500.000	280.694.500.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	38.069.450	28.069.450
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	38.069.450	28.069.450
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	38.069.450	28.069.450
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.069.450	28.069.450
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	38.069.450	28.069.450
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	10.410.274.952	10.410.274.952
	10.410.274.952	10.410.274.952

24 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Ngoại tệ các loại**

	31/12/2021	01/01/2021
Đồng đô la Mỹ (USD)	57.235,05	1.098.219,92
Đồng Euro (EUR)	101,60	101,60

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.442.378.946.752	1.250.128.536.664
Doanh thu cung cấp dịch vụ	21.726.809.110	5.823.997.452
Doanh thu kinh doanh bất động sản	41.898.174.673	82.383.993.153
Doanh thu khác	7.147.555.625	954.296.774
	1.513.151.486.160	1.339.290.824.043
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40.)	201.077.412.830	343.653.913.952

26 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	-	280.361.045
	-	280.361.045

27 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	1.298.505.915.185	1.207.846.871.211
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.423.914.243	7.301.624.580
Giá vốn kinh doanh bất động sản	30.888.230.761	60.362.234.285
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	119.434.328
	1.335.818.060.189	1.275.630.164.404

28 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	23.572.878.728	28.197.030.307
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	4.957.177.644	300.795.640
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	490.550.464	89.067.766
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	420.444
	29.020.606.836	28.587.314.157

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSANLô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***29 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	35.825.605.754	43.714.386.521
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.006.638.981	1.467.219.294
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	3.548.034.689	672.981.846
Chi phí tài chính khác	26.861.901	368.906
	41.407.141.325	45.854.956.567

30 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân công	601.597.331	538.879.276
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.862.593.967	10.143.360.418
Chi phí khác bằng tiền	606.422.111	68.306.243
	17.070.613.409	10.750.545.937

31 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	7.634.400	-
Chi phí nhân công	14.789.148.389	5.917.907.803
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.528.113.851	1.958.201.125
Thuế, phí, lệ phí	-	186.810.561
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	6.432.823.091	2.144.945.572
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.540.968.342	12.175.472.980
	39.298.688.073	22.383.338.041

32 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	6.673.799.043	15.743.090.310
Thu nhập khác	27.733.293	367.038.254
	6.701.532.336	16.110.128.564

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

33 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Các khoản bị phạt, chi phí không hợp lý hợp lệ	955.157.631	953.375.110
Chi phí khác	1.717.271.071	792.727.093
	2.672.428.702	1.746.102.203

34 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	13.118.169.820	3.672.262.792
	13.118.169.820	3.672.262.792

35 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	85.210.107.020	21.046.444.757
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	85.210.107.020	21.046.444.757
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	28.866.153	28.069.450
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.952	750

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

36 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	761.707.790.521	582.325.629.248
Chi phí nhân công	69.126.277.055	55.658.026.431
Chi phí khấu hao tài sản cố định	59.759.699.044	51.952.177.358
Chi phí dịch vụ mua ngoài	117.862.108.932	101.398.854.933
Chi phí khác bằng tiền	2.511.174.185	542.610.836
	1.010.967.049.737	791.877.298.806

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	126.890.821.732	-	36.513.085.599	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	344.122.803.127	(19.409.733.796)	361.102.534.497	(12.976.910.705)
Các khoản cho vay	110.040.258.070	-	69.245.268.061	-
Đầu tư ngắn hạn	271.926.234.299	-	334.080.686.011	-
	852.980.117.228	(19.409.733.796)	800.941.574.168	(12.976.910.705)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	726.946.572.890	765.271.826.768
Phải trả người bán, phải trả khác	605.942.497.036	618.480.436.390
Chi phí phải trả	579.460.595	671.416.932
	1.333.468.530.521	1.384.423.680.090

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	126.890.821.732	-	-	126.890.821.732
Phải thu khách hàng, phải thu khác	324.713.069.331	-	-	324.713.069.331
Các khoản cho vay	110.040.258.070	-	-	110.040.258.070
Đầu tư ngắn hạn	271.926.234.299	-	-	271.926.234.299
	833.570.383.432	-	-	833.570.383.432
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.513.085.599	-	-	36.513.085.599
Phải thu khách hàng, phải thu khác	348.125.623.792	-	-	348.125.623.792
Các khoản cho vay	69.245.268.061	-	-	69.245.268.061
Đầu tư ngắn hạn	334.080.686.011	-	-	334.080.686.011
	787.964.663.463	-	-	787.964.663.463

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2021				
Vay và nợ	627.051.513.380	99.895.059.510	-	726.946.572.890
Phải trả người bán, phải trả khác	604.032.974.136	-	1.909.522.900	605.942.497.036
Chi phí phải trả	579.460.595	-	-	579.460.595
	1.231.663.948.111	99.895.059.510	1.909.522.900	1.333.468.530.521
Tại ngày 01/01/2021				
Vay và nợ	667.376.903.090	97.894.923.678	-	765.271.826.768
Phải trả người bán, phải trả khác	618.480.436.390	-	-	618.480.436.390
Chi phí phải trả	671.416.932	-	-	671.416.932
	1.286.528.756.412	97.894.923.678	-	1.384.423.680.090

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

38 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

39 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động kinh doanh Bông	Hoạt động kinh doanh Sợi	Hoạt động kinh doanh Khăn	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	152.373.060.280	1.014.466.609.421	221.595.661.281	41.898.174.673	82.817.980.505	1.513.151.486.160
Chi phí bộ phận trực tiếp	147.873.119.274	872.561.468.478	214.241.397.130	30.888.230.761	70.253.844.546	1.335.818.060.189
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.499.941.006	141.905.140.943	7.354.264.151	11.009.943.912	12.564.135.959	177.333.425.971

Theo khu vực địa lý

	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	689.097.489.961	824.053.996.199	1.513.151.486.160
Tổng chi phí mua TSCĐ	1.111.511.918	-	1.111.511.918
Tài sản bộ phận	1.943.722.690.997	41.445.909.055	1.985.168.600.052
Nợ phải trả bộ phận	1.354.710.088.503	46.556.188.893	1.401.266.277.396

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

40 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Công ty Cổ phần Dệt may Đông Phong (tên cũ là Công ty TNHH Đông Phong)	Cùng chung người quản lý chủ chốt	10.835.086.140	15.891.297.435
Công ty TNHH Golf Long Hưng (tên cũ là Công ty TNHH Thương mại và đầu tư xây dựng ACC)	Cùng chung người quản lý chủ chốt	140.456.785.042	327.433.603.303
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại HT Vina	Cùng chung người quản lý chủ chốt	49.785.541.648	329.013.214
Mua hàng hóa, dịch vụ			
Công ty Cổ phần Dệt may Đông Phong (tên cũ là Công ty TNHH Đông Phong)	Cùng chung người quản lý chủ chốt	16.544.390.329	41.325.572.703
Công ty TNHH Golf Long Hưng (tên cũ là Công ty TNHH Thương mại và đầu tư xây dựng ACC)	Cùng chung người quản lý chủ chốt	161.566.878.430	409.570.796.281
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại HT Vina	Cùng chung người quản lý chủ chốt	69.787.572.458	13.187.724.462

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải thu khách hàng			
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại HT Vina	Cùng chung người quản lý chủ chốt	4.129.983.749	-
Ứng trước cho nhà cung cấp			
Công ty TNHH Golf Long Hưng (tên cũ là Công ty TNHH Thương mại và đầu tư xây dựng ACC)	Cùng chung người quản lý chủ chốt	58.226.299.355	164.177.930.010
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại HT Vina	Cùng chung người quản lý chủ chốt	-	1.519.663.138

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSANLô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Phải thu khác

Công ty Cổ phần Dệt may Đông Phong (tên cũ là Công ty TNHH Đông Phong)	Cùng chung người quản lý chủ chốt	76.306.182	76.306.182
--	-----------------------------------	------------	------------

Công ty TNHH Golf Long Hưng (tên cũ là Công ty TNHH Thương mại và đầu tư xây dựng ACC)	Cùng chung người quản lý chủ chốt	178.000.000	-
--	-----------------------------------	-------------	---

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại HT Vina	Cùng chung người quản lý chủ chốt	4.918.410	-
---	-----------------------------------	-----------	---

Phải thu về cho vay

Công ty Cổ phần Dệt may Đông Phong (tên cũ là Công ty TNHH Đông Phong)	Cùng chung người quản lý chủ chốt	90.000.000	90.000.000
--	-----------------------------------	------------	------------

Phải trả người bán

Công ty Cổ phần Dệt may Đông Phong (tên cũ là Công ty TNHH Đông Phong)	Cùng chung người quản lý chủ chốt	4.900.879.950	2.793.325.641
--	-----------------------------------	---------------	---------------

Người mua trả tiền trước

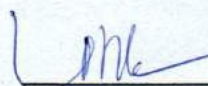
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại HT Vina	Cùng chung người quản lý chủ chốt	-	1.235.467.525
---	-----------------------------------	---	---------------


Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập của Ban Điều hành và Hội đồng Quản trị	2.859.379.132	2.184.957.536
Vũ Huy Đông	640.768.887	639.382.703
Nguyễn Lê Hùng	84.000.000	104.000.000
Đỗ Văn Khôi	140.000.000	140.000.000
Lê Văn Tuấn	84.000.000	104.000.000
Vũ Huy Đức	480.113.316	315.950.000
Vũ Phương Diệp	451.357.449	353.682.525
Phạm Văn Thương	84.000.000	104.000.000
Vương Quốc Dương	442.520.912	212.692.308
Lê Xuân Chiến	452.618.568	211.250.000


41 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.


Phạm Thị Dung
Người lập


Phạm Thị Dung
Kế toán trưởng




Vũ Huy Đông
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Thái Bình, ngày 25 tháng 01 năm 2022